

Số -BC/BCSD

## BÁO CÁO

tổng kết thực tiễn quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh từ năm 2010 đến nay, bài học kinh nghiệm và đề xuất phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

-----

### Phần mở đầu

## I- CƠ SỞ VÀ SỰ CẦN THIẾT NGHIÊN CỨU, TỔNG KẾT

### 1. Cơ sở nghiên cứu, đánh giá, tổng kết

#### 1.1. Một số khái niệm

Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về nguồn nhân lực, một số khái niệm về nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo nghề nghiệp như sau:

- Nguồn nhân lực là tất cả những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, năng lực và tính sáng tạo của con người có quan hệ tới sự phát triển của mỗi cá nhân và của đất nước. Nguồn nhân lực là toàn bộ vốn con người bao gồm thể lực, trí lực, kỹ năng nghề nghiệp,... của mỗi cá nhân.

Như vậy, ở đây nguồn lực con người được coi như một nguồn vốn bên cạnh các loại vốn vật chất khác: vốn tiền tệ, công nghệ, tài nguyên thiên nhiên.

- Nguồn nhân lực của một quốc gia là toàn bộ những người trong độ tuổi có khả năng tham gia lao động.

Nhìn chung, nguồn nhân lực được hiểu theo hai nghĩa: Theo nghĩa rộng, nguồn nhân lực là nguồn cung cấp sức lao động cho sản xuất xã hội, cung cấp nguồn lực con người cho sự phát triển. Do đó, nguồn nhân lực bao gồm toàn bộ dân cư có thể phát triển bình thường. Theo nghĩa hẹp, nguồn nhân lực là khả năng lao động của xã hội, là nguồn lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm các nhóm dân cư trong độ tuổi lao động, có khả năng tham gia vào lao động, sản xuất xã hội, tức là toàn bộ các cá nhân tham gia vào quá trình lao động, là tổng thể các yếu tố về thể lực, trí lực của họ được huy động vào quá trình lao động. Dưới góc độ kinh tế phát triển thì nguồn nhân lực là một bộ phận dân số trong độ tuổi quy định có khả năng tham gia lao động. Nguồn nhân lực được biểu hiện trên hai mặt: về số lượng đó là tổng số những người trong độ tuổi lao động làm việc theo quy định của nhà nước và thời gian lao động có thể huy động được từ họ; về chất lượng, đó là sức khỏe và trình độ chuyên môn, kiến thức và trình độ lành nghề của người lao động. Nguồn lao động là tổng số những người trong độ tuổi lao động đang tham gia lao động hoặc đang tích cực tìm kiếm việc làm.

- Nguồn nhân lực chất lượng cao là bộ phận ưu tú nhất của nguồn nhân lực đất nước, bao gồm những người tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống; có trình độ học vấn, chuyên môn cao; có sức khỏe tốt (theo độ tuổi); luôn đi đầu trong lao động, sáng tạo khoa học, đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là những “cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, đội ngũ chuyên gia, quản trị doanh nghiệp giỏi, lao động lành nghề và cán bộ khoa học công nghệ đầu đàn. Như vậy, nguồn nhân lực chất lượng cao là bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng, là nhóm tinh tuý nhất, có chất lượng nhất.

- Đào tạo nguồn nhân lực là việc huấn luyện người lao động tập trung vào những công việc hiện tại, chú trọng đến các công việc mang tính cá nhân, thời gian thực hiện việc đào tạo thường ngắn và với mục đích chủ yếu là để khắc phục sự thiếu hụt về kiến thức và kỹ năng thực hiện công việc hiện tại.

- Đào tạo nghề nghiệp là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khoá học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp; giáo dục nghề nghiệp là một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, được thực hiện theo hai hình thức là đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên.

### ***1.2. Tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế - xã hội***

Trong mọi thời đại, nguồn nhân lực luôn đóng vai trò quan trọng nhất đối với sự phát triển của một đất nước, địa phương. Bởi vì, con người không chỉ là một yếu tố đầu vào của quá trình như các nguồn lực khác mà với khả năng, trình độ của mình, con người quyết định mức độ hiệu quả của khai thác và sử dụng các nguồn lực khác. Đặc biệt trong thời đại ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành nhân tố đặc biệt quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia, mỗi địa phương trong quá trình phát triển.

Tầm quan trọng nguồn nhân lực đã được Đảng chỉ rõ trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội: “*Con người là nguồn lực quan trọng nhất, là nguồn lực của mọi nguồn lực, quyết định sự hưng thịnh của đất nước*”. Thực tiễn đã khẳng định nguồn lực con người là yếu tố nội sinh năng động, quyết định lợi thế cạnh tranh dài hạn của mỗi quốc gia. Điều này đặc biệt đúng trong điều kiện khoa học công nghệ phát triển nhảy vọt trong thời đại ngày nay và được thể hiện rõ đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của cả nước nói chung và của tỉnh Bắc Giang nói riêng.

### **2. Sự cần thiết nghiên cứu, tổng kết thực tiễn**

Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, XII và XIII đã xác định việc phát triển nhân lực là điều kiện quyết định đối với sự phát triển của đất nước. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta đã nhận định “*Thế chế*

*kinh tế thị trường, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm nghẽn cản trở sự phát triển”*; Đại hội lần thứ XI cũng đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 trong đó xác định *“Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ”* là một trong ba đột phá chiến lược. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục xác định *“Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ...”* là một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII cũng đã đề ra một trong ba khâu đột phá chiến lược là *“Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo”*.

Quán triệt và triển khai thực hiện đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực. Trong những năm qua, tỉnh Bắc Giang đã ban hành nhiều kế hoạch, chương trình, đề án, cơ chế, chính sách hỗ trợ cho công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, qua đó giúp tỷ lệ lao động qua đào tạo và lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ tăng nhanh, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp<sup>1</sup>. Tuy nhiên, công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh còn bộc lộ một số bất cập như: Quy mô, cơ cấu ngành, nghề, năng lực tuyển sinh, đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp và điều kiện cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nghề của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) còn hạn chế; nhu cầu của doanh nghiệp đối với lao động có kỹ năng ngày một tăng cao trong khi công tác đào tạo nghề còn nhiều bất cập cả về cơ cấu, số lượng, chất lượng.

Để thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh Bắc Giang trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030, đồng thời để thực hiện tốt một trong bốn nhiệm vụ trọng tâm mang tính đột phá đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX (năm 2020) đó là *“Chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, tập trung đào tạo lao động có tay nghề, kỹ thuật, chất lượng cao, góp phần tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế và tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để thu hút đầu tư”* thì việc nghiên cứu, đánh giá, tổng kết quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh từ năm 2010 đến nay là một nhiệm vụ hết sức cần

<sup>1</sup> Chỉ số đào tạo lao động trong chỉ số PCI liên tục được cải thiện, năm 2020 xếp thứ 19, năm 2021 xếp thứ 18 và năm 2022 xếp thứ 5/63 tỉnh, thành phố.

thiết và có ý nghĩa quan trọng. Trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm, đề xuất các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp của các cấp, các ngành, địa phương trong đào tạo, sử dụng, phát huy nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh đến năm 2030, đồng thời đề xuất, kiến nghị với Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung trong lãnh đạo, chỉ đạo ban hành các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật trong công tác đào tạo, sử dụng, phát huy nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời gian tới.

## **II- MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU, ĐÁNH GIÁ, TỔNG KẾT THỰC TIỄN**

### **1. Mục tiêu nghiên cứu, đánh giá, tổng kết thực tiễn**

Đánh giá toàn diện quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và kết quả việc triển khai thực hiện các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010 - 2023; đồng thời chỉ rõ những vấn đề còn vướng mắc, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; từ đó rút ra được các bài học kinh nghiệm; các vấn đề thực tiễn đang đặt ra đối với tỉnh Bắc Giang, đề xuất phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và một số giải pháp thực hiện trong thời gian tới để nguồn nhân lực tỉnh Bắc Giang thực sự là đột phá chiến lược, là yếu tố quan trọng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh, sớm đưa Bắc Giang trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030.

### **2. Nhiệm vụ**

- Đánh giá tổng thể, toàn diện kết quả 13 năm (2010 - 2023) thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Đánh giá quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, địa phương trong công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực từ năm 2010 đến nay.

- Đánh giá việc thực hiện các chương trình, kế hoạch của các cấp, các ngành, địa phương trong công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực từ năm 2010 đến nay.

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực từ năm 2010 đến nay, trong đó làm rõ các kết quả nổi bật, mô hình hay, cách làm sáng tạo; những tồn tại, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân.

- Rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh từ năm 2010 đến nay.

- Đề xuất các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và một số giải pháp thực hiện của các cấp, các ngành, địa phương trong đào tạo, sử dụng, phát huy nguồn

nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh đến năm 2030.

- Trên cơ sở đánh giá thực tiễn, đề xuất, kiến nghị với Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung trong lãnh đạo, chỉ đạo ban hành các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật trong công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời gian tới.

### **III- ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, TỔNG KẾT THỰC TIỄN**

#### **1. Đối tượng**

- Các chủ trương, quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ở Trung ương về công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực của Đảng bộ tỉnh Bắc Giang qua văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang các nhiệm kỳ 2010 - 2015, 2015 - 2020, 2020 - 2025 và của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện của HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã về đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

- Công tác tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở về đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực.

#### **2. Phạm vi, thời gian, phương pháp nghiên cứu**

- Phạm vi nghiên cứu: Công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực có phạm vi rộng, liên quan đến toàn bộ các lĩnh vực. Bắc Giang hiện nay không có trường đại học thuộc tỉnh quản lý (chỉ có 01 trường đại học Nông - Lâm Bắc Giang thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); thời gian qua, công tác đào tạo ngoài giáo dục phổ thông chủ yếu tập trung vào công tác GDNN. Phạm vi nghiên cứu tổng kết thực tiễn, tập trung vào công tác GDNN để phục vụ đáp ứng nguồn nhân lực cho thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội. Công tác GDNN tập trung 05 nhóm vấn đề như sau:

- + Tổ chức bộ máy, phát triển quy mô, mạng lưới cơ sở đào tạo nghề;
- + Kết quả đào tạo và thực hiện chính sách trong GDNN;
- + Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho đào tạo nghề;
- + Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo GDNN;
- + Công tác liên kết đào tạo và hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề;
- Thời gian nghiên cứu: Từ năm 2010 đến hết tháng 12/2023.

- Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng các phương pháp như: Khảo sát, phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, xin ý kiến chuyên gia,...

**Phần thứ nhất**  
**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG NĂM 2010**

**I- CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**

**1. Điều kiện phát triển**

Bắc Giang là tỉnh có vị trí địa lý thuận lợi, thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc, nằm trong vùng Thủ đô Hà Nội và trên tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh (*Trung Quốc*) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; cách trung tâm Thủ đô Hà Nội và sân bay quốc tế Nội Bài khoảng 50 km, cách cửa khẩu Hữu Nghị (*Lạng Sơn*) 110 km và cách Cảng Hải Phòng 140km. Bắc Giang có diện tích tự nhiên 3.851,4 km<sup>2</sup>; với vị trí thuận lợi, Bắc Giang có nhiều lợi thế trong thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, đồng thời cũng là yếu tố kéo theo phát triển nguồn nhân lực. Năm 2010, Bắc Giang có dân số 1,567 triệu người, trong đó dân số trong độ tuổi lao động trên 0,99 triệu người, đang thời kỳ dân số vàng, đây là yếu tố quan trọng để phát triển nguồn nhân lực, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội.

Bắc Giang là vùng đất khoa bảng, trải dài theo chiều dài lịch sử với nhiều danh nhân nổi tiếng, tiêu biểu như Thân Nhân Trung, Giáp Hải, Nguyễn Doãn Địch... truyền thống đó tiếp nối, được các thế hệ sau tiếp tục phát huy; đặc biệt trong những năm gần đây, Bắc Giang luôn nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về chất lượng giáo dục và đào tạo.

Bên cạnh các điều kiện thuận lợi, Bắc Giang cũng chịu sự cạnh tranh trong thu hút đầu tư của các địa phương nằm trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, các địa phương có điều kiện phát triển tốt hơn trong vùng; Bắc Giang không phải trung tâm vùng, các cơ sở đào tạo, đặc biệt là Đại học chỉ duy nhất có một trường Đại học thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, do đó Bắc Giang không có lợi thế về đào tạo; dân số đông cũng đặt ra những thách thức trong giải quyết việc làm, và thách thức trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...

**2. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2010**

Năm 2010, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã tổng kết, đánh giá những kết quả phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh giai đoạn 2005-2010: Về tốc độ tăng trưởng (GDP) bình quân 9%/năm; tỷ trọng công nghiệp- xây dựng trong cơ cấu kinh tế đạt 33,2%, nông nghiệp còn 32,7%, dịch vụ 34,1%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 650 USD. Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2010 ước đạt 1.500 tỷ đồng (không tính nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu ngân sách nội địa ước đạt 860 tỷ đồng), chi ngân sách năm 2010 ước đạt 3.866 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2006-2010 ước đạt gần 34 nghìn tỷ đồng, gấp 3 lần giai đoạn 2001-2005.

Báo cáo cũng đánh giá, sự nghiệp giáo dục- đào tạo đạt kết quả tích cực, hệ thống mạng lưới, qui mô và loại hình trường lớp được củng cố, phát triển

rộng khắp, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân; trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn của giáo viên và cán bộ quản lý ở các ngành học, bậc học đều được nâng lên; tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT năm học 2009- 2010 đạt 97,8%, tăng 9,2%, xếp thứ 16 toàn quốc; công tác phổ cập giáo dục được củng cố và duy trì vững chắc. Giáo dục chuyên nghiệp, giáo dục thường xuyên và dạy nghề ngày càng được chú trọng, góp phần nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động, bước đầu đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Chương trình kiên cố hóa, trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên, xây dựng trường chuẩn quốc gia đạt kết quả tích cực, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 59%; tỷ lệ phòng học bậc phổ thông được kiên cố hóa năm 2010 ước đạt 82,8%.

Tuy nhiên, Đại hội cũng đã thẳng thắn nhìn nhận, đánh giá những hạn chế, tồn tại; Bắc Giang vẫn là tỉnh kém phát triển về kinh tế, thu nhập bình quân đầu người thấp so mức bình quân chung cả nước; chất lượng, hiệu quả thu hút đầu tư chưa cao; việc khai thác, huy động, sử dụng một số nguồn lực còn hạn chế. Đầu tư cho công tác quy hoạch còn ít; một số quy hoạch còn phải điều chỉnh nhiều. Hạ tầng chưa theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội. Đào tạo nghề chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, chưa gắn với nhu cầu của thị trường lao động, cơ cấu đào tạo chưa hợp lý. Chất lượng nguồn lao động chưa cao; cơ cấu lao động chuyên dịch chậm; lực lượng lao động lớn song chủ yếu là lao động phổ thông, còn thiếu lao động có tay nghề, tình trạng lao động không có hoặc thiếu việc làm, nhất là thanh niên đến tuổi lao động đang là vấn đề đáng quan tâm...

## II- THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GDNN VÀ SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC TỈNH BẮC GIANG NĂM 2010

### 1. Thực trạng công tác GDNN năm 2010

- Về cơ chế, chính sách trong giáo dục - đào tạo: Trong giai đoạn 2006 - 2010, HĐND tỉnh ban hành 02 Nghị quyết về cơ chế, chính sách trong đào tạo nghề như: chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho người dân khi Nhà nước thu đất sản xuất nông nghiệp; quy định về định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề<sup>2</sup>. UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan chủ yếu tập trung triển khai thực hiện các chính sách về dạy nghề do Trung ương ban hành<sup>3</sup> như: chính sách dạy nghề cho học sinh dân tộc thiểu số

<sup>2</sup> Nghị quyết số 16/2008/NQ-HĐND ngày 08/7/2008 của HĐND tỉnh về việc thành lập Quỹ hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm cho người dân khi Nhà nước thu hồi từ 50% đất sản xuất nông nghiệp trở lên, trong đó có nội dung chi hỗ trợ một lần kinh phí đào tạo một nghề cho người trong độ tuổi lao động, có nhu cầu học nghề bằng hình thức cấp thẻ học nghề, do Quỹ chi cho cơ sở đào tạo (kể cả doanh nghiệp tự đào tạo và tuyển dụng lao động lâu dài); thẻ có giá trị bằng 3 triệu đồng. Nghị quyết số 31/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 **Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang**, trong đó có quy định về định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề "a) Định mức phân bổ theo học sinh, chỉ tiêu đào tạo được cấp có thẩm quyền giao: Trung cấp y tế, trung cấp được 6,7 triệu đồng/học sinh/năm; Trung cấp văn hóa, thể thao và du lịch 10,3 triệu đồng/học sinh/năm; Trung cấp khác 6,4 triệu đồng/học sinh/năm; Cao đẳng nghề 6,8 triệu đồng/học sinh/năm; Đào tạo lại tại trường cao đẳng 5,8 triệu đồng/học sinh/năm; Đào tạo lại tại các trường đào tạo 5,5 triệu đồng/học sinh/năm. 10 tháng học/người tính bằng 1 suất đào tạo."

<sup>3</sup> Quyết định số 267/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 65/2006/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 12/7/2006 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008; được vay vốn học nghề theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007; Quyết định số 121/2009/QĐ-TTg về cơ chế hoạt động của các cơ sở dạy nghề thuộc Bộ Quốc phòng và chính sách hỗ trợ bộ đội xuất ngũ học nghề; Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 44/2010/TTLT/BTC-BLĐTBXH 29/3/2010 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số

nội trú; chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên, chính sách dạy nghề cho bộ đội xuất ngũ, chính sách dạy nghề cho người nghèo, chính sách dạy nghề cho người khuyết tật, chính sách dạy nghề cho thanh niên, chính sách dạy nghề cho phụ nữ, chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Về quy mô, mạng lưới cơ sở đào tạo: Thực hiện Luật Dạy nghề ngày 29/11/2006, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 08/2007/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch hệ thống cơ sở dạy nghề tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2000 - 2010 và định hướng đến năm 2020 và tổ chức triển khai, thực hiện. Kết quả đến hết năm 2010: Tổng số cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh là 82 cơ sở, trong đó: có 01 trường cao đẳng, 07 trường trung cấp, 27 trung tâm dạy nghề và 47 cơ sở khác có dạy nghề. Tổng quy mô tuyển sinh được cấp phép là 25.235 người/năm, trong đó: cao đẳng 350 người/năm, trung cấp 3.128 người/năm và sơ cấp 21.757 người/năm.

- Về cơ sở vật chất: Có 69/82 cơ sở dạy nghề có trụ sở làm việc riêng, 13/82 cơ sở dạy nghề trực thuộc doanh nghiệp có trụ sở làm việc tại doanh nghiệp. Một số cơ sở dạy nghề công lập đã được đầu tư xây dựng như: Cao đẳng nghề Bắc Giang, Trung cấp nghề Giao thông vận tải, Trung cấp nghề miền núi Yên Thế.

- Về trang thiết bị đào tạo nghề: Các cơ sở đào tạo nghề có đủ thiết bị thực hành cơ bản cho các ngành, nghề đào tạo. Các cơ sở đào tạo công lập được đầu tư kinh phí từ nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia để mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề hiện đại, phục vụ cho công tác nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

- Về chương trình đào tạo: Có 100% cơ sở dạy nghề đã xây dựng chương trình đào tạo theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý:

+ Tổng số nhà giáo dạy nghề tại các cơ sở dạy nghề là 1.541 người, trong đó: Trình độ trên đại học 8,3%, trình độ đại học và cao đẳng 64,8%, trình độ trung cấp và công nhân kỹ thuật là 18,2%, trình độ khác là 8,7%; có 1.338 nhà giáo đạt chuẩn theo quy định, chiếm 86,8%. Có 100% nhà giáo dạy nghề tại các trường cao đẳng, trung cấp nghề đạt chuẩn theo quy định; có 20% nhà giáo dạy nghề tại các trung tâm dạy nghề và các cơ sở khác chưa đạt chuẩn theo quy định (Chủ yếu là thiếu chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề).

+ Tổng số đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề là 215 người, trong đó: Trình độ trên đại học 4,2%; trình độ đại học, cao đẳng 83,1%; trình độ trung cấp 12,7%. Có 100% đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề đảm bảo trình độ chuyên môn và nghiệp vụ quản lý theo quy định.

---

19/2005/TTLT/BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 19/3/2005 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 81/1995/NĐ-CP ngày 23/11/1995 và Nghị định số 116/2004/NĐ-CP ngày 23/4/2004 của Chính phủ; Quyết định số 103/2008/QĐ-TTg ngày 21/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hỗ trợ thanh niên học nghề và tạo việc làm giai đoạn 2008 – 2015; Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định số 295/QĐ-TTg ngày 26/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 - 2015”...



- Kết quả tuyển sinh, tổ chức đào tạo: Giai đoạn 2007 - 2010 các cơ sở tuyển sinh, đào tạo theo quy định của Luật Dạy nghề (theo 03 cấp trình độ). Kết quả tuyển sinh, tổ chức đào tạo bình quân trong 04 năm thực hiện là 23.809 người/năm, trong đó bình quân các cấp trình độ như sau: cao đẳng 189 người/năm, trung cấp 2.709 người/năm và sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng 20.910 người/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2010 đạt 33,5%. Ngành, nghề đào tạo tập trung đào tạo theo ba nhóm đối tượng, đó là:

+ Nhóm 1: Đào tạo nghề cho người lao động để tạo việc làm mới hoặc chuyển đổi việc làm, gồm các nghề: công nghệ ô tô, quản trị mạng, quản trị cơ sở dữ liệu, kỹ thuật may và thời trang, hàn, điện công nghiệp, dân dụng, điện tử công nghiệp, dân dụng, sửa chữa cơ khí, sửa chữa xe máy, lái xe ô tô...

+ Nhóm 2: Đào tạo nghề phụ cho người lao động để tạo việc làm trong lúc nông nhàn, tăng thu nhập, tăng thời gian sử dụng lao động, gồm các nghề: may tre đan xuất khẩu, móc sợi, thêu tranh xuất khẩu, làm lông mi giả...

+ Nhóm 3: Đào tạo nghề nông nghiệp cho người lao động để phát triển sản xuất hàng hoá trong lĩnh vực nông nghiệp tại địa phương góp phần tăng năng suất lao động, tăng giá trị của sản phẩm, gồm các nghề: Trồng cây ăn quả, trồng cây thuốc lá, trồng rau sạch, trồng cây cảnh, chăn nuôi gà đồi, chăn nuôi thỏ, chăn nuôi lợn, nuôi cá, ếch, ba ba...

## **2. Thực trạng công tác sử dụng nguồn nhân lực năm 2010**

Số lao động trong độ tuổi tham gia hoạt động kinh tế năm 2010 là 973.913 người, trong đó có 326.260 lao động qua đào tạo, chiếm 33,5%.

Lao động có việc làm được phân bố và sử dụng trong các ngành kinh tế quốc dân như sau: Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 600.948 người, chiếm 67,1%; Công nghiệp - xây dựng: 145.983 người, chiếm 16,3%; Dịch vụ: 158.669 người, chiếm 16,6%.

Công tác đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực mặc dù đã được Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh quan tâm, ưu tiên đầu tư nhưng chưa đồng bộ; quy mô đào tạo đối với các trình độ cao đẳng, trung cấp/năm còn nhỏ; cơ chế, chính sách thu hút, nâng cao chất lượng đào tạo nghề còn chưa đồng bộ, nhiều bất cập nên chủ yếu tổ chức đào tạo nghề ở trình độ thấp (sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng); một số chính sách đầu tư của Nhà nước chưa bình đẳng đối với cơ sở đào tạo công lập và tư thực; đội ngũ nhà giáo có trình độ chuyên môn cao còn hạn chế, một số nhà giáo chưa đạt chuẩn theo quy định. Thêm vào đó, doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh ít; doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhiều lao động phổ thông, do vậy không khuyến khích được người lao động tham gia các khóa đào tạo nghề trình độ cao vào làm việc tại doanh nghiệp.

**Phần thứ hai**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC**  
**THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, SỬ DỤNG NGUỒN**  
**NHÂN LỰC CỦA TỈNH TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY**

**I- KẾT QUẢ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận và các văn bản của Đảng chỉ đạo về công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực, trong giai đoạn 2010 đến nay, Tỉnh ủy đã chủ động quán triệt các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển theo tinh thần các Nghị quyết Đại hội lần thứ XI, XII, XIII của Đảng; không ngừng đổi mới, kịp thời ban hành các nghị quyết, kế hoạch, kết luận và các văn bản thể hiện các chủ trương lớn, các quan điểm, định hướng và các giải pháp quan trọng trong công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực. Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành, các địa phương đã cụ thể hóa các chủ trương của Tỉnh ủy bằng các cơ chế, chính sách, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và tổ chức thực hiện tích cực, hiệu quả. Kết quả cụ thể như sau:

**1. Chủ trương, chính sách giai đoạn 2010 - 2015**

**1.1. Các chủ trương của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy**

Công tác phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, dạy nghề trong giai đoạn 2010 - 2015 đã được Tỉnh ủy xác định là chủ trương lớn và là đột phá triển lược. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc<sup>4</sup> và Đại hội Đảng bộ tỉnh<sup>5</sup> về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy đã ban hành 03 văn bản (gồm có 01 Nghị quyết, 01 Chương trình hành động và 01 Kết luận)<sup>6</sup> để chỉ đạo về phát triển kinh tế xã hội trọng tâm giai đoạn 2011- 2015, trong đó đặc biệt quan trọng là Nghị quyết số 43-NQ/TU ban hành Chương trình nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

Nghị quyết số 43-NQ/TU xác định rõ nhiệm vụ về mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề (Phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nghề,

<sup>4</sup> Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (năm 2010) của Đảng: “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững”. Đại hội cũng đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 trong đó xác định “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ” là một trong ba đột phá chiến lược.

<sup>5</sup> Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVII (năm 2010) xác định một trong các phương hướng trong nhiệm kỳ 2010 - 2015 là “Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững”. Trong đó, nhiệm vụ phát triển nhân lực là “Đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; tăng cường đào tạo nghề, giáo dục ý thức, tác phong công nghiệp cho người lao động và dạy nghề cho nông dân”. Đại hội đề ra chỉ tiêu cụ thể đến năm 2015 là “Giải quyết việc làm mới 27 nghìn lao động/năm; 50% lao động qua đào tạo”.

<sup>6</sup> Kết luận số 28-KL/TU ngày 26/3/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo nghề của tỉnh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 22/02/2011 của Tỉnh ủy ban hành Chương trình nâng cao chất lượng đào tạo nghề giai đoạn 2011 – 2015; Chương trình hành động số 63-CTr/TU ngày 08/8/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

mở rộng quy mô đào tạo, đối tượng đào tạo, ngành nghề đào tạo). Ưu tiên thành lập mới các cơ sở đào tạo các ngành nghề hiện chưa đào tạo như: Khách sạn, nhà hàng, du lịch, chế biến thực phẩm,... Nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với sử dụng lao động. Tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Đào tạo nghề nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi thú y, nuôi trồng thủy sản); đào tạo nghề mây tre đan xuất khẩu, thêu ren, chế biến nông sản thực phẩm,... để lao động nông thôn có thêm việc làm lúc nông nhàn; đào tạo nghề phi nông nghiệp như cơ khí, điện, sửa chữa ô tô, xe máy, may công nghiệp, lái xe,... Đồng thời, đã đưa ra 08 nhóm giải pháp chủ yếu gồm: (1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của chính quyền, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đối với công tác đào tạo nghề; (2) Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về đào tạo nghề; (3) Xây dựng quy hoạch hệ thống cơ sở dạy nghề tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2011 - 2020; (4) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề. Đổi mới nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy; (5) Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy nghề theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá; (6) Triển khai thực hiện tốt công tác xã hội hoá đào tạo nghề; (7) Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động, tổ chức thực hiện kiểm định chất lượng đào tạo nghề; (8) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đào tạo nghề của Đảng và Nhà nước để thu hút và khuyến khích phát triển công tác đào tạo nghề. Xây dựng và ban hành chính sách để thu hút thợ lành nghề, kỹ sư, nghệ nhân tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo nghề. Nghị quyết số 43-NQ/TU đã xác định 03 chỉ tiêu chính là:

- Đào tạo nghề cho 140.400 lao động, trong đó: 4.900 người trình độ Cao đẳng nghề; 18.000 người trình độ trung cấp; 117.500 người trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng.

- Trên 60% lao động sau khi tốt nghiệp đào tạo nghề có kỹ năng nghề đạt từ loại khá trở lên, trong đó 70% lao động có việc làm.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50,5% năm 2015, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 32%.

- Đến năm 2015, toàn tỉnh có 105 cơ sở dạy nghề, trong đó 05 trường cao đẳng nghề, 11 trường trung cấp, 25 trung tâm dạy nghề và 64 cơ sở dạy nghề khác.

### ***1.2. Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh và cấp ủy, chính quyền cơ sở***

Trong giai đoạn này HĐND tỉnh không ban hành cơ chế, chính sách đặc thù mới mà tiếp tục tổ chức thực hiện chính sách đã ban hành trong giai đoạn trước.

Để triển khai thực hiện chủ trương, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, nâng cao hiệu quả trong công tác đào tạo nghề, giai đoạn 2010 - 2015, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan tiếp tục tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách của Trung ương và một số chính sách của địa phương ban hành trong thời kỳ 2006 - 2010 nêu trên. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản triển khai, thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Tỉnh ủy đề ra về công tác đào tạo,

sử dụng nguồn lao động (gồm: 01 Chỉ thị, 01 Chương trình, 02 Đề án, 02 Kế hoạch, 07 Quyết định và nhiều công văn khác)<sup>7</sup>. Các văn bản do UBND tỉnh ban hành kịp thời, bám sát chỉ tiêu, nhiệm vụ của Tỉnh ủy tại Nghị quyết số 43-NQ/TU và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn này. Các văn bản đã cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, đưa ra các giải pháp và chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành tỉnh tổ chức thực hiện như: chỉ đạo đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn (tại Chỉ thị 10/CT-UBND ngày 20/7/2010); phê duyệt chương trình giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động của tỉnh giai đoạn 2013 - 2020, trong đó ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng suất lao động, chất lượng việc làm và giá trị lao động, tạo ra nhiều việc làm, đảm bảo phát triển thị trường lao động bền vững, khuyến khích các hình thức tạo việc làm tại chỗ, đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Mở rộng quy mô, chất lượng công tác đào tạo nghề đảm bảo hợp lý về cơ cấu, ngành nghề và phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Chuyển đổi cơ cấu lao động phù hợp và đáp ứng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế (Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 12/8/2013); ban hành Quyết định phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 với mục tiêu: củng cố, nâng cấp, nâng cao năng lực của hệ thống cơ sở dạy nghề hiện có, thành lập mới thêm một số trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề phù hợp với nhu cầu của từng vùng, huyện, để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Điều chỉnh cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường lao động. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt 50,5% (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 30%)...

Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành chỉ đạo các ban, ngành chức năng đẩy mạnh sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, khuyến khích các doanh nghiệp tập trung đầu tư theo chiều sâu, hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, thu hút nhiều lao động; xây dựng và triển khai các chính sách ưu đãi về đầu tư, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư để khuyến khích thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào tỉnh; chỉ đạo tăng cường công tác quản lý việc tuyển dụng, sử dụng lao động trong các doanh nghiệp; giao chỉ tiêu giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động cho từng huyện, thành phố. Tổ chức thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chương trình đào tạo nghề và giải quyết việc làm, Ban chỉ đạo xuất khẩu lao động và giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thường trực Ban chỉ đạo.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, chính quyền cấp huyện, cấp xã đều thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chương trình đào tạo nghề và giải quyết việc làm giai đoạn 2010-2020, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn huyện, thành phố. Các Ban Chỉ đạo đã ban hành Quy chế hoạt động quy định chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc hoạt động và nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên và chế độ làm việc cụ thể của Ban chỉ đạo để tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn hằng năm.

---

<sup>7</sup> Có Phụ lục số 01 kèm theo Báo cáo này.

Các sở, ngành có liên quan và 10/10 huyện uỷ, thành uỷ, UBND các huyện, thành phố đã tổ chức xây dựng kế hoạch hoặc chương trình công tác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề hằng năm và cả nhiệm kỳ. Chính quyền cấp xã thường xuyên rà soát nguồn nhân lực của địa phương và phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tổ chức triển khai thực hiện công tác tuyển sinh, đào tạo nghề cho người lao động có nhu cầu và đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban MTTQ tỉnh, Hội cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Liên đoàn Lao động tỉnh... đã tích cực tham gia, triển khai, giám sát các chương trình, dự án dạy nghề cho lao động nông thôn, các chương trình đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Đặc biệt, Trung tâm dạy nghề của Hội nông dân, Trung tâm dạy nghề của Tỉnh đoàn thanh niên, Trung tâm dạy nghề của Liên đoàn Lao động tỉnh đã tích cực tham gia hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg.

## **2. Chủ trương, chính sách giai đoạn 2016 - 2020**

### ***2.1. Các chủ trương của Tỉnh uỷ, BTV Tỉnh uỷ***

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc<sup>8</sup> và Đại hội Đảng bộ tỉnh<sup>9</sup> về công tác phát triển nguồn nhân lực; Tỉnh uỷ, BTV Tỉnh uỷ đã chỉ đạo các cấp uỷ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt công tác đào tạo nghề trong giai đoạn mới. Để vận hành hệ thống cơ sở đào tạo nghề sau khi Chính phủ giao cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý nhà nước về GDNN tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 03/9/2016 của Chính phủ phiên họp Chính phủ tháng 8 năm 2016 và chủ trương của Đảng về chú trọng công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng nguồn nhân lực có trình độ cao; Tỉnh uỷ đã ban hành Nghị quyết số 140-NQ/TU ngày 22/9/2016 về việc thông qua đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016 - 2020, trong đó có chủ trương sắp xếp, nâng cao hiệu quả các cơ sở dạy nghề công lập. Việc sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực GDNN là đúng chủ trương của Đảng, bảo đảm nguyên tắc cùng nhóm nhiệm vụ chỉ có 01 tổ chức, đơn vị thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả

<sup>8</sup> Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (năm 2016) của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao, thông qua quan điểm: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu”. Trên cơ sở đó, Đại hội XII đề ra phương hướng, nhiệm vụ: “Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, cho từng ngành, từng lĩnh vực, với những giải pháp đồng bộ, trong đó tập trung cho giải pháp đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực trong nhà trường cũng như trong quá trình sản xuất kinh doanh, chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp và kỹ năng thực hành”.

<sup>9</sup> Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII (năm 2015) xác định một trong mười ba giải pháp chủ yếu được thực hiện trong nhiệm kỳ đó là “Chú trọng công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng nguồn nhân lực có trình độ cao”, Đại hội đề ra chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020 là “Tạo việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm 29.000 - 30.000 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%”. Năm 2015, Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh đã thông qua, UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/3/2015, trong đó Tỉnh đã sớm có chủ trương, xác định “chuyển dịch, phát triển và thu hút nhân lực, nhất là nhân lực trình độ cao để chuyển lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp, dịch vụ; đào tạo lao động nghề có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển các sản phẩm chủ lực, dịch vụ và tạo nguồn cung lao động cho các tỉnh trong khu vực, xuất khẩu lao động” là một trong ba khâu đột phá.

hoạt động, phát huy tiềm năng đội ngũ và cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có. Một số chỉ đạo nổi bật đó là sáp nhập, đổi tên, kiện toàn đội ngũ, giao cơ quan chủ quản cơ sở, lộ trình thực hiện<sup>10</sup>...

## **2.2. Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh và cấp ủy, chính quyền cơ sở**

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập tỉnh Bắc Giang năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 21/10/2016 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 140-NQ/TU ngày 22/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy. Ngoài ra, UBND tỉnh đã cụ thể hóa chỉ tiêu, xác định nhiệm vụ, giải pháp trong công tác đào tạo nghề và sử dụng nguồn nhân lực bằng 02 kế hoạch, 09 quyết định và nhiều văn bản khác<sup>11</sup>. Để thực hiện tốt quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp<sup>12</sup> ở giai đoạn đầu tiên này, UBND tỉnh đã đổi mới công tác đào tạo nghề theo hướng khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh. Ban hành Đề án đổi mới nhằm thu hút doanh nghiệp tham gia sâu vào hoạt động GDNN các cấp trình độ; qua đó huy động thêm nguồn lực, phát huy tính linh hoạt, gắn kết bền vững trong công tác đào tạo và sử dụng nhân lực sau đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh. Nhiều mô hình hợp tác hay, mang lại hiệu quả kinh tế cao được phát huy và áp dụng rộng rãi đối với các cơ sở GDNN cũng như doanh nghiệp.

Các chỉ tiêu, nhiệm vụ về đào tạo nghề, của tỉnh được xác định tại Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011-2020 và nổi bật tại Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Đề án đổi mới công tác đào tạo nghề theo hướng khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020, cụ thể:

- Tuyển sinh và đào tạo nghề cho 142.500 người, trong đó: Cao đẳng nghề: 4.000 người; Trung cấp nghề: 13.500 người; Sơ cấp nghề và dạy nghề

<sup>10</sup> Trường Cao đẳng Ngô Gia tự Bắc Giang đổi tên thành Trường Cao đẳng sư phạm Ngô Gia Tự Bắc Giang, chuyển từ trực thuộc UBND tỉnh quản lý về trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý. Trường Trung cấp Y tế trực thuộc Sở Y tế: Thành lập Cơ sở đào tạo Y - Dược thuộc Đại học Y - Dược Thái Nguyên; trường hợp không thành lập được Cơ sở đào tạo Y - Dược, tiếp tục duy trì hoạt động của Nhà trường đến năm 2018, sau đó giải thể theo quy định. Giải thể Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp và Hướng nghiệp, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên để thành lập Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp. Đổi tên các trung tâm giáo dục thường xuyên - dạy nghề cấp huyện (trừ Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Dạy nghề Yên Thế) thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (Trung tâm GDNN-GDTC), giữ nguyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý. Sáp nhập Trung tâm Dạy nghề huyện Tân Yên, Hiệp Hòa vào Trung tâm GDNN-GDTC huyện Tân Yên, Hiệp Hòa. Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Dạy nghề huyện Yên Thế sáp nhập vào Trường Trung cấp Nghề miền núi Yên Thế trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Giữ nguyên mô hình tổ chức và hoạt động như hiện tại của Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang. Trường Trung cấp nghề miền núi Yên Thế tiếp nhận nguyên trạng tổ chức, biên chế và cơ sở vật chất của Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Dạy nghề Yên Thế chuyển sang. Trường Cao đẳng nghề Bắc Giang trước mắt tiến hành kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và có phương án từng bước tinh giản biên chế viên chức của Nhà trường. Trường Trung cấp Nghề thủ công mỹ nghệ 19-5 trực thuộc Liên minh Hợp tác xã đổi tên thành Trường Trung cấp Nghề 19-5. Trung tâm Dạy nghề Bắc Giang trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giải thể và chuyển nguyên trạng tổ chức bộ máy và cơ sở vật chất của Trung tâm vào Trung tâm Dịch vụ việc làm trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

<sup>11</sup> Có Phụ lục số 01 kèm theo Báo cáo này.

<sup>12</sup> Luật Giáo dục nghề nghiệp được ban hành năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015. Giai đoạn 2016-2020 là giai đoạn đầu thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp.

dưới 03 tháng: 125.000 người (trong đó có 50.000 lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 70%, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 40%.

- Trên 80% lao động nông thôn sau khi tốt nghiệp các lớp đào tạo nghề có việc làm.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, các huyện uỷ, thành uỷ, UBND các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch thực hiện công tác đào tạo nghề cho cả nhiệm kỳ và hàng năm, đồng thời chỉ đạo chính quyền cấp xã thường xuyên rà soát nguồn nhân lực của địa phương, phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Chính quyền cấp huyện, cấp xã tiếp tục duy trì, kiên trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện chương trình đào tạo nghề và giải quyết việc làm, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn huyện, thành phố.

Hàng năm, trên cơ sở chỉ tiêu đào tạo nghề được tỉnh giao, UBND cấp huyện đã giao nhiệm vụ đào tạo nghề cụ thể cho UBND cấp xã, đồng thời chỉ đạo chính quyền cấp xã tổ chức điều tra, rà soát, nắm thông tin về nhu cầu học nghề của người lao động để xây dựng kế hoạch và tham mưu cho UBND cấp huyện phối hợp với các cơ sở đào tạo tư vấn, đào tạo nghề phù hợp cho người lao động; cập nhật các thông tin biến động về thực trạng lao động, việc làm của người lao động trong năm để làm cơ sở xác định hướng đào tạo phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

Ủy ban MTTQ tỉnh, Hội cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Liên đoàn Lao động tỉnh... tiếp tục tăng cường giám sát các chương trình, dự án dạy nghề cho lao động nông thôn, các chương trình đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài.

### **3. Chủ trương, chính sách giai đoạn 2021 - 2023**

#### **3.1. Các chủ trương của Tỉnh uỷ, BTV Tỉnh uỷ**

Trên cơ sở kế thừa các thành quả đã đạt được của giai đoạn trước, Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã kịp thời, chủ động ban hành nhiều chủ trương lớn, quan trọng, mang tính đột phá về đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới. Tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bắc Giang<sup>13</sup>, Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã quan tâm, tập trung cao và không

<sup>13</sup> Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX (năm 2020) đã xác định: “*Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo*” là một trong ba đột phá chiến lược; xác định một trong bốn nhiệm vụ trọng tâm mang tính đột phá đó là “*Chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, tập trung đào tạo lao động có tay nghề, kỹ thuật, chất lượng cao, góp phần tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế và tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để thu hút đầu tư*”. Đại hội cũng đặt ra yêu cầu cao hơn trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là: “*Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ,*

ngừng đổi mới, nâng cao hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo; kịp thời cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, chủ yếu bằng nhiều văn bản đề lãnh đạo. Trong 03 năm (2021-2023), Tỉnh ủy đã thống nhất quan điểm phát triển yếu tố con người trong Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 đã của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 *“Phát huy tối đa nhân tố con người để đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Xây dựng chính sách để khuyến khích, phát huy tinh thần cống hiến, hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Lấy đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo là nền tảng cho phát triển bền vững, lâu dài; tạo sự chuyển biến trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để nâng cao năng suất lao động”* là định hướng mới, trọng tâm cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

Tỉnh ủy đã ban hành 01 chương trình hành động<sup>14</sup>, 02 kế hoạch lãnh đạo công tác phát triển GDNN giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030 (Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 09/6/2021 về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu trong thời kì mới; Kế hoạch số 89-KH/TU ngày 14/6/2023 quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045). Nổi bật giai đoạn này là Kế hoạch số 20-KH/TU; tại Kế hoạch này, Tỉnh ủy đã định hướng về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu trong thời kì mới; cụ thể hóa và triển khai hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động trong Nghị quyết Đại hội XIX của Đảng bộ tỉnh; vận dụng sáng tạo, linh hoạt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm xây dựng lực lượng lao động của tỉnh có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển thời kỳ mới. Kế hoạch đã huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp tham gia công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn lao động gắn với nhu cầu thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể được xác định trong giai đoạn 2021-2025, đó là:

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 27%. Đối với người dân tộc thiểu số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 17%.

---

công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu)” và đề ra chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025 là “Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo 25,1%. Tỷ lệ lao động thất nghiệp thành thị khoảng 2,6%; tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 48,6%; lĩnh vực dịch vụ khoảng 25,7%; lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 25,7%”.

<sup>14</sup> Chương trình hành động số 34 CT/TU ngày 03/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.



+100% trường THCS và THPT có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương; có giáo viên kiêm nhiệm làm công tác tư vấn hướng nghiệp. Có ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp THCS (đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 30%) tiếp tục học tập tại các cơ sở GDNN đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp; 45% học sinh tốt nghiệp THPT (đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 35%) tiếp tục học tập tại các cơ sở GDNN đào tạo trình độ cao đẳng.

+ Toàn tỉnh có 50 cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN; trong đó có tối thiểu 04 trường cao đẳng. Tổng quy mô tuyển sinh đào tạo tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh đạt trên 31.000 lao động/năm. Các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh tuyển sinh và đào tạo nghề cho 147.500 lao động; trong đó, trên 80.000 lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (25% tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp). Tỷ lệ người học trình độ cao đẳng, trung cấp có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo sau tốt nghiệp đạt 90% trở lên.

+ Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp là trường chất lượng cao, có năng lực đào tạo các ngành nghề được các nước trong khu vực ASEAN hoặc quốc tế công nhận; đến năm 2023 đạt tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo quy định. Các trường có nghề được đầu tư trọng điểm đảm bảo đầu ra đào tạo theo chuẩn quốc gia và khu vực.

### ***3.2. Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh và cấp ủy, chính quyền cơ sở***

Căn cứ chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã ban hành một số cơ chế, chính sách để phát triển GDNN trên địa bàn tỉnh đối với người học, nhà giáo, cơ chế phân bổ vốn, cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, chủ trương đầu tư cơ sở GDNN, danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước... HĐND tỉnh đã ban hành 06 Nghị quyết được ban hành<sup>15</sup>. Các cơ chế, chính sách của HĐND tỉnh bảo đảm kịp thời, hiệu quả cao trong công tác GDNN; nổi bật là chính sách đặc thù của tỉnh về hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại, chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho nhà giáo GDNN quy định tại Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021,

<sup>15</sup> Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định một số chính sách hỗ trợ GDNN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 06/4/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 quyết định chủ trương đầu tư dự án Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy nghề trọng điểm Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang.

đã tác động tích cực đối với người học, giáo viên; nâng cao khả năng tuyển sinh của các cơ sở GDNN trên địa bàn, được nhân dân đón nhận và đánh giá cao.

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản (có 06 kế hoạch, 04 quyết định, 04 đề án và nhiều văn bản khác)<sup>16</sup> về đào tạo nghề và các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo nghề; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Giang đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới; nâng cấp cơ sở GDNN; triển khai trung tâm GDNN-GDTX gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS, THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; đào tạo nghề cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; quy định danh mục nghề và mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề; giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong đào tạo nghề... UBND đã ban hành đầy đủ, kịp thời văn bản, tạo ra hành lang pháp lý quan trọng để phát triển GDNN và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đã khuyến khích cơ sở GDNN, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực GDNN tập trung đầu tư theo chiều sâu, hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, thu hút nhiều lao động; xây dựng và triển khai các chính sách ưu đãi về đầu tư, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư để khuyến khích thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào tỉnh.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ngành liên quan và 10/10 huyện uỷ, thành uỷ đã chủ động xây dựng kế hoạch về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới cho cả nhiệm kỳ và xây dựng kế hoạch thực hiện công tác đào tạo nghề hàng năm. Chính quyền cấp xã tăng cường rà soát nhu cầu đào tạo nghề và nhu cầu việc làm của người lao động địa phương, phối hợp với các cơ sở GDNN tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho lao động thuộc đối tượng của các Chương trình MTQG. Tổ chức rà soát, kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện chương trình đào tạo nghề và giải quyết việc làm giai đoạn 2021-2025, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn huyện, thành phố; Ban hành Quy chế hoạt động quy định chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc hoạt động và nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Ban chỉ đạo và chế độ làm việc của Ban chỉ đạo. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác đào tạo nghề, trong đó chú trọng nâng chất lượng và tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ.

Ủy ban MTTQ tỉnh, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Liên đoàn Lao động tỉnh tăng cường công tác giám sát công tác triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án trong GDNN trên địa bàn tỉnh. Kịp thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong công tác triển khai thực hiện đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người học sau đào tạo hiệu quả.

---

<sup>16</sup> Có Phụ lục số 01 kèm theo Báo cáo này.

## II- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC CỦA TỈNH TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY

### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu

(1) *Về phát triển mạng lưới cơ sở GDNN:* đến hết năm 2015 tổng số cơ sở dạy nghề chỉ đạt 81,9% kế hoạch (86/105 cơ sở); đến hết năm 2020, tổng số cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh chỉ còn 41 cơ sở (giảm 45 cơ sở so với năm 2015, đạt 39% so với Kế hoạch); đến hết năm 2023, tổng số cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh chỉ còn 34 cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN (giảm 07 cơ sở so với năm 2020) đạt 64,2% so với mục tiêu quy hoạch đến năm 2030.

(2) *Về quy mô tuyển sinh:* đến năm 2015, tổng quy mô tuyển sinh được cấp phép là 42.578 người/năm (tăng 17.343 người/năm so với năm 2010); đến năm 2020, tổng quy mô tuyển sinh được cấp phép là 34.360 người/năm (giảm 8.218 người/năm so với năm 2015 nhưng vẫn hoàn thành mục tiêu); đến hết năm 2023, tổng quy mô tuyển sinh tiếp tục tăng lên đạt 37.470 người/năm (tăng 3.110 người/năm so với năm 2020); cơ cấu cấp trình độ đào tạo đã có sự thay đổi về chất theo hướng tích cực, tăng 4.055 người/năm ở trình độ cao đẳng và trung cấp, giảm 945 người/năm quy mô đào tạo ở trình độ sơ cấp.

(3) *Về kết quả tuyển sinh đào tạo và tỷ lệ lao động qua đào tạo:*

- Trong giai đoạn 2010 - 2015, các cơ sở GDNN đã tuyển sinh và đào tạo nghề cho 166.077 người (đạt 103,5% kế hoạch). Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 33,5% năm 2010 lên 50,5% năm 2015, đạt 101% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra.

- Giai đoạn 2016 - 2020, các cơ sở GDNN đã tuyển sinh và đào tạo nghề cho 158.106 người (đạt 111% kế hoạch). Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 50,5% năm 2015 lên 70% năm 2020, đạt 100% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đề ra.

- Giai đoạn 2021 - 2023, đã có 87.344 lao động được các cơ sở GDNN tuyển sinh, đào tạo nghề (đạt 101,3% kế hoạch và đạt 59,2% mục tiêu giai đoạn 2021-2025). Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 70% năm 2020 lên 76% năm 2023 (đạt 100% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX); tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có bằng, chứng chỉ đạt 33% (vượt 37,5% so với kế hoạch đến hết 2023 đạt 24% và vượt 31,4% so với mục tiêu đến 2025 đạt 25,1% theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX), cao hơn bình quân cả nước 5,5%.

(4) *Về tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS, THPT vào học các trình độ GDNN:*

- Trong giai đoạn 2010 - 2015, tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học Trung cấp chuyên nghiệp hoặc Trung cấp nghề đạt 19,3% (thấp hơn 10,7% so với mục tiêu là 30%).

- Giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội bình thường được phân luồng vào học các trình độ GDNN đạt 21,71 % (bằng 72,4% so với Kế hoạch) và đối với học sinh THPT đạt 34,43% (bằng 86,1% so với kế hoạch); tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được phân luồng vào học các trình độ GDNN đạt 27,19 % (bằng 108,8% so với kế hoạch) và đối với học sinh tốt nghiệp THPT đạt 59,01% (bằng 196,7% so với kế hoạch).

- Giai đoạn 2021 - 2023, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội bình thường được phân luồng vào học các trình độ GDNN đạt 26,8% (bằng 67% so với kế hoạch) và đối với học sinh tốt nghiệp THPT đạt tỷ lệ 42% (bằng 93,4% so với kế hoạch); số học sinh tốt nghiệp THCS tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được phân luồng vào học các trình độ GDNN đạt tỷ lệ 28,9% (bằng 96,2% so với kế hoạch) và đối với học sinh tốt nghiệp THPT đạt tỷ lệ 48% (bằng 138% so với chỉ tiêu kế hoạch).

(5) Về Cơ cấu lao động của tỉnh: đến năm 2015, trong lĩnh vực nông - lâm - thủy sản chiếm tỷ lệ 56,5% (giảm 12,8%), trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ lệ 24,5% (tăng 9,9%), trong lĩnh vực dịch vụ chiếm tỷ lệ 19% (tăng 2,9% so với năm 2010); đến năm 2020, lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỷ lệ 38,3% (giảm 17,7%), lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ lệ 37,7% (tăng 10,9%), lĩnh vực dịch vụ chiếm tỷ lệ 24,0% (tăng 6,8% so với năm 2015); đến năm 2023, lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỷ lệ 25,2% (giảm 13,1%), lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ lệ 44,2% (tăng 6,6%), lĩnh vực dịch vụ chiếm tỷ lệ 30,6% (tăng 6,5% so với năm 2020).

## **2. Kết quả công tác GDNN**

### **2.1. Công tác Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở GDNN**

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp nhằm mở rộng quy mô đào tạo và số lượng cơ sở dạy nghề<sup>17</sup> với mục tiêu cụ thể đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh có 105 cơ sở dạy nghề (trong đó, có 02 trường cao đẳng nghề, 08 trường trung cấp nghề, 28 trung tâm dạy nghề và 67 cơ sở dạy nghề khác) với quy mô tuyển sinh 1.000 đến 1.500 sinh viên cao đẳng/năm; 3.200 đến 4.000 học sinh trung cấp/năm và 16.500 đến 21.000 học sinh hệ sơ cấp nghề/năm; đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 110 cơ sở dạy nghề (trong đó, có 06 trường cao đẳng nghề, 13 trường trung cấp nghề, 35 trung tâm dạy nghề và 56 cơ sở dạy nghề khác) với quy mô tuyển sinh đạt 2.400 đến 3.000 học sinh cao đẳng/năm, 4.000 đến 6.000 học sinh trung cấp/năm và 19.000 đến 25.000 học sinh hệ sơ cấp nghề/năm.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ, các giải pháp đã đề ra; đến hết năm 2015, tổng số cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh là 86 cơ sở (tăng 04 cơ sở so với năm 2010), trong đó: có 03 trường cao đẳng nghề (tăng 02 so

<sup>17</sup> tại Chương trình nâng cao chất lượng đào tạo nghề giai đoạn 2011 – 2015 kèm theo Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 22/02/2011 của Tỉnh ủy; ngày 17/7/2012, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 919/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở dạy nghề tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2011-2020

với năm 2010), 06 trường trung cấp (giảm 01 so với năm 2010), 22 Trung tâm dạy nghề (giảm 05 so với năm 2010) và 55 cơ sở hoạt động GDNN (tăng 08 so với năm 2010); tổng quy mô tuyển sinh được cấp phép là 42.578 người/năm (tăng 17.343 người/năm; trong đó, trình độ sơ cấp tăng 15.871 người/năm; trình độ cao đẳng và trung cấp tăng 1.472 người/năm so với năm 2010). Tuy số cơ sở dạy nghề và quy mô tuyển sinh đều tăng so với năm 2010 nhưng đã không hoàn thành mục tiêu đề ra tại chương trình nâng cao chất lượng đào tạo nghề ban hành kèm theo Nghị quyết số 43-NQ/TU của Tỉnh ủy (86/105 cơ sở, đạt 81,9% so với kế hoạch).

Nhằm tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và các cơ sở GDNN công lập nói riêng; ngày 21/10/2016, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Kế hoạch số 228/KH-UBND về triển khai thực hiện Nghị quyết số 140-NQ/TU ngày 22/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016 -2020. UBND tỉnh Bắc Giang và các Bộ chủ quản các cơ sở GDNN công lập đóng trên địa bàn đã tích cực phối hợp, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc rà soát, sắp xếp tinh gọn đầu mối; kiện toàn lại để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDNN công lập trên địa bàn tỉnh với kết quả cụ thể đạt được như sau:

- Đối với các cơ sở GDNN công lập:

+ Đổi tên các Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Dạy nghề (GDTX-DN) cấp huyện thành Trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX)<sup>18</sup>; sáp nhập các Trung tâm dạy nghề cấp huyện vào các Trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện<sup>19</sup>. Các trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện sau khi sáp nhập, đổi tên có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quy định tại Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐT BXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn việc sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm GDNN-GDTX; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm GDNN-GDTX.

+ Sáp nhập Trung tâm GDNN - GDTX huyện Yên Thế vào Trường Trung cấp nghề miền núi Yên Thế<sup>20</sup>; sáp nhập Trường Cao đẳng nghề Bắc Giang vào Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang<sup>21</sup>; sáp nhập

<sup>18</sup> tại Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh.

<sup>19</sup> Quyết định số 769/QĐ-UBND và Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang sáp nhập các Trung tâm Dạy nghề huyện Hiệp Hòa và Trung tâm Dạy nghề huyện Tân Yên vào Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hiệp Hòa và Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tân Yên.

<sup>20</sup> tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 về việc sáp nhập Trung tâm giáo dục thường xuyên - dạy nghề huyện Yên Thế trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo vào Trường Trung cấp nghề miền núi Yên Thế trực thuộc Sở Lao động - TB&XH tỉnh Bắc Giang.

<sup>21</sup> tại Quyết định số 1956/QĐ-LĐT BXH ngày 20/12/2017 Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Giang về Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp (Bộ Công Thương)<sup>22</sup>.

+ Giải thể Trường Trung cấp nghề số 12 thuộc Bộ Quốc phòng, Trường Trung cấp nghề Thủ công mỹ nghệ 19/5, Trung tâm Dạy nghề và giới thiệu việc làm thanh niên Bắc Giang<sup>23</sup>; Giải thể Trung tâm Dạy nghề Bắc Giang, chuyển nguyên trạng tổ chức bộ máy, biên chế, công chức, viên chức, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc của Trung tâm Dạy nghề vào Trung tâm Dịch vụ việc làm trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đối với các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN tư thực: Các cơ quan chuyên môn đã tập trung tổ chức kiểm tra, rà soát điều kiện bảo đảm hoạt động GDNN theo quy định của pháp luật hằng năm. Thu hồi toàn bộ cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN tư thực không còn đủ điều kiện bảo đảm về điều kiện hoạt động GDNN theo quy định để giảm đầu mối. Đồng thời, sắp xếp mạng lưới cơ sở GDNN phù hợp với phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Coi trọng việc nâng quy mô, chất lượng đào tạo trình độ cao trong GDNN, giảm quy mô đào tạo trình độ thấp, giảm các cơ sở GDNN không còn đủ điều kiện hoạt động GDNN theo quy định mới của Luật GDNN.

Đến hết năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 01 trường Đại học (thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); tổng số cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh là 41 cơ sở (giảm 45 cơ sở so với năm 2015), trong đó: có 02 trường cao đẳng, 08 trường trung cấp, 15 Trung tâm GDNN và 16 cơ sở hoạt động GDNN. Tổng quy mô tuyển sinh được cấp phép là 34.360 người/năm (giảm 8.218 người/năm so với năm 2015; trong đó, tăng 1.095 người/năm ở trình độ cao đẳng, trung cấp và giảm 9.310 người/năm ở trình độ sơ cấp). Việc rà soát, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở hoạt động GDNN tư thực trong giai đoạn 2016-2020 đạt mục tiêu Nghị quyết số 140-NQ/TU và Kế hoạch số 228/KH-UBND đề ra; đầu mối các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh giảm sâu (giảm 52,3%) so với thời điểm năm 2015. Tuy nhiên, việc tập trung giảm đầu mối cơ sở có năng lực đào tạo yếu, ngành nghề đào tạo lạc hậu, không còn đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, nhà giáo, chương trình, giáo trình đào tạo... có ý nghĩa quan trọng, góp phần đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị, tập trung đào tạo nghề trình độ cao trong GDNN (cao đẳng, trung cấp), nâng cao chất lượng đào tạo, từng bước đáp ứng nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp, của thị trường lao động.

Trong giai đoạn 2021-2023, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; cũng với đó, tỉnh Bắc Giang cũng là địa phương đầu tiên trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

<sup>22</sup> theo Quyết định số 84/QĐ- UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh

<sup>23</sup> tại Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 06/6/2018 và tại Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang.

tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2021. Phương án phát triển GDNN là một nội dung được tích hợp trong Quy hoạch; theo đó, đến năm 2030, toàn tỉnh có 53 cơ sở GDNN, trong đó có 17 cơ sở công lập và 36 cơ sở ngoài công lập (chiếm 60% tổng số cơ sở GDNN), đây là định hướng có tính đột phá nhằm tăng cường công tác xã hội hóa trong công tác GDNN.

Với phương châm tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDNN theo hướng mở, linh hoạt, bảo đảm quy mô, cơ cấu hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo, vùng miền, có phân luồng chất lượng. UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng, triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án về sáp nhập, nâng quy mô và cấp trình độ đào tạo của các cơ sở GDNN công lập. Đã sáp nhập trường Trung cấp Y tế Bắc Giang vào Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang, xây dựng Đề án "Phát triển Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang giai đoạn 2022 - 2030"<sup>24</sup> thành trường cao đẳng đa ngành; xây dựng Đề án "Phát triển Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang trở thành trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"<sup>25</sup>; Đề án thành lập Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề miền núi Bắc Giang; trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thành lập Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang đứng tiến độ đề ra<sup>26</sup>; xây dựng Đề án "Phát triển trung tâm GDNN - GDTX gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phân luồng học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025"<sup>27</sup>; đồng thời, đã đề ra lộ trình phát triển các trường trung cấp trên cơ sở nâng cấp các Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định hồ sơ thành lập trường Cao đẳng Biên phòng (trụ sở chính đặt tại Bắc Giang) trên cơ sở sáp nhập, nâng cấp Trường Trung cấp Biên phòng 1 và Trường Trung cấp Biên phòng 2 (trụ sở chính đặt tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) .

Qua việc triển khai thực hiện tốt các quan điểm, định hướng lãnh đạo, chỉ đạo về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; các phương án quy hoạch phát triển GDNN trong từng thời kỳ. Quy mô, mạng lưới cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã được tổ chức, sắp xếp đảm bảo tinh, gọn và từng bước phát huy hiệu quả. Đến hết năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 01 trường Đại học; có 34 cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN (giảm 48 cơ sở so với năm 2010, giảm 52 cơ sở so với năm 2015, giảm 07 cơ sở so với năm 2020) đạt 64,2% so với mục tiêu quy hoạch đến năm 2030. Trong đó, có 05 trường cao đẳng (100% công lập); 06 trường trung cấp (02/06 công lập); 14 trung tâm GDNN (08/14 công

<sup>24</sup> Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án phát triển Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang giai đoạn 2022-2023.

<sup>25</sup> Quyết định số 1108/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt Đề án phát triển Trường Cao đẳng Công nghệ Việt – Hàn Bắc Giang trở thành trường cao đẳng CLC đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

<sup>26</sup> Đề án số 245/ĐA-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề miền núi Bắc Giang; Quyết định số 379/QĐ-LĐTĐ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang.

<sup>27</sup> Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Quyết định phê duyệt Đề án "Phát triển trung tâm GDNN-GDTX gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp THPT, THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025

lập) và 09 cơ sở hoạt động GDNN (01/09 công lập). Tổng quy mô tuyển sinh được cấp phép là 37.470 người/năm (tăng 3.110 người so với quy mô năm 2020); phân theo trình độ như sau: cao đẳng 2.160 người/năm, trung cấp 7.940 người/năm và sơ cấp 27.370 người/năm. Mặc dù số lượng cơ sở GDNN tiếp tục giảm nhưng tổng quy mô tuyển sinh vẫn tiếp tục tăng; cơ cấu cấp trình độ đào tạo đã có sự thay đổi về chất theo hướng tích cực; tăng 4.055 người/năm ở trình độ cao đẳng và trung cấp, giảm 945 người/năm quy mô đào tạo ở trình độ sơ cấp.

## ***2.2. Kết quả đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho đào tạo nghề và giao dự toán hỗ trợ các cơ sở GDNN do tỉnh quản lý***

- Tổng vốn ngân sách chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở đào tạo nghề giai đoạn 2010-2015 là 109,7 tỷ đồng, bằng 0,68% so với tổng vốn đầu tư công tư ngân sách nhà nước (trên 16 nghìn tỷ đồng) trên địa bàn tỉnh; chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển cả về quy mô và chất lượng của các cơ sở GDNN. Trong đó tập trung đầu tư vào Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang để hướng tới trở thành trường có nghề được kiểm định, đánh giá đạt chất lượng cao; Trường Trung cấp nghề miền núi Yên Thế để có thể đồng thời thực hiện chức năng giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên, đẩy mạnh phân luồng, từng bước nâng cao quy mô, chất lượng đào tạo. Một số Trường cao đẳng, trung cấp đã được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị một cách tương đối đồng bộ, phù hợp với công nghệ tại doanh nghiệp ở một số nghề trọng điểm như: Công nghệ ô tô, Cơ điện tử, Điện tử công nghiệp, Điện công nghiệp, Hàn, Công nghệ thông tin - ứng dụng phần mềm, Cắt gọt kim loại, May thời trang,... Các cơ sở đăng ký hoạt động GDNN là doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực may mặc đều bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề May công nghiệp; thuận lợi cho công tác đào tạo nghề gắn với nhu cầu việc làm sau đào tạo tại doanh nghiệp.

Tổng vốn ngân sách nhà nước chi đầu tư cơ sở vật chất GDNN giai đoạn 2016-2020 là 37,3 tỷ đồng, bằng 0,14% so với tổng vốn đầu tư (trên 28 nghìn tỷ đồng) của tỉnh; giảm 0,54% so với giai đoạn 2010-2015; tuy tổng ngân sách đầu tư giảm nhưng được thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm một cách đồng bộ đối với một số cơ sở GDNN có năng lực (Cao đẳng công nghệ Việt Hàn, Trung cấp nghề Miền núi Yên Thế) để từng bước nâng cao chất lượng, quy mô đào tạo, cấp trình độ đào tạo, phát triển bền vững với mục tiêu phát triển dài hạn nâng cấp thành Trường Cao đẳng, Trường chất lượng cao. Từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia; các cơ sở GDNN đã tổ chức thực hiện việc mua sắm máy móc, thiết bị đầy đủ, theo đúng danh mục, thông số kỹ thuật, bảo đảm chất lượng của từng sản phẩm; các Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện đã có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị cho đào tạo nghề cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn và liên kết với các trường cao đẳng, trung cấp trong và ngoài tỉnh để đào tạo nghề, trình độ trung cấp cho đối tượng học sinh tốt nghiệp THCS được phân luồng.

Trong giai đoạn 2021-2023, UBND tỉnh đã tiếp tục quan tâm, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho đào tạo nghề có trọng tâm, trọng điểm cho



các trường cao đẳng có đề án phát triển nghề trọng điểm, trường chất lượng cao đến năm 2025, các trường mới được sáp nhập, nâng cấp từ trung cấp lên cao đẳng như: Cao đẳng Công nghệ Việt – Hàn Bắc Giang, Cao đẳng miền núi Bắc Giang, Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang. Đồng thời, chỉ đạo các sở, ngành có liên quan rà soát, đề xuất kế hoạch đầu tư, nâng cấp, phát triển các Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện lên trường trung cấp. Đến nay, vốn đầu tư công của tỉnh đầu tư cho các cơ sở GDNN là 171,3 tỷ đồng, bằng 0,4% so với tổng kinh phí đầu tư giai đoạn 2021-2025 (gần 42 nghìn tỷ đồng), tăng 0,26% so với giai đoạn trước. Để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, kịp thời cập nhật, thay đổi một phần theo công nghệ sản xuất tại doanh nghiệp; một số trường Cao đẳng đã đầu tư thiết bị, vật tư ảo để tiết kiệm chi phí đầu tư cơ sở vật chất và vật tư tiêu hao trong quá trình thực hành; học sinh, sinh viên có thể thực hành không giới hạn với thiết bị, vật tư ảo trên hàng ngàn bài thực hành mô phỏng sát với thực tế sản xuất trước khi thực hành trên các hệ thống máy móc thật. Trường Cao đẳng Nghề công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang đã đầu tư mô hình hệ thống mô phỏng sản xuất theo công nghệ Hàn Quốc được điều khiển tự động bằng máy tính có khả năng thay đổi chương trình và sản phẩm một cách linh hoạt... Đây cũng là mô hình đầu tiên trong hệ thống các trường dạy nghề trong toàn quốc.

- Vốn sự nghiệp: Giai đoạn 2011-2015 là 479,25 tỷ đồng, chiếm 1,74% tổng vốn sự nghiệp; giai đoạn 2016-2020 là 878,425 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,99% so tổng vốn sự nghiệp, tăng 0,25% so giai đoạn 2011-2015; giai đoạn 2021-2023 là 673,541 tỷ đồng, chiếm 2,09% tổng vốn sự nghiệp, tăng 0,35% so với giai đoạn 2010-2015.

- Nguồn xã hội hoá của các cơ sở ngoài công lập, của người học và doanh nghiệp đóng góp là 1.481 tỷ đồng; cụ thể, giai đoạn 2011-2015 là 417,5 tỷ đồng, chiếm 41,4% tổng nguồn lực dành cho GDNN; giai đoạn 2016-2020 là 438,2 tỷ đồng, chiếm 32,3% tổng nguồn lực dành cho GDNN; giai đoạn 2021-2023 là 625,3 tỷ đồng, chiếm 42,5% tổng nguồn lực dành cho GDNN.

Kết quả đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho đào tạo nghề đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao quy mô đào tạo, trình độ đào tạo và chất lượng đào tạo của các cơ sở GDNN trong những năm vừa qua; tuy nhiên, nguồn lực đầu tư vẫn chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu phát triển phù hợp với tốc độ tăng của thị trường lao động cả về chất lượng, cấp trình độ đào tạo và quy mô đào tạo, chưa tương xứng với vị trí, vai trò và tầm quan trọng đã xác định là khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội. Đến nay, chưa thu hút đầu tư được cơ sở GDNN ngoài công lập nào đầu tư vào tỉnh theo quy hoạch.

### **2.3. Kết quả phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo GDNN**

Trong những năm qua, các cơ quan chức năng của tỉnh và các địa phương trong tỉnh đã tích cực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo GDNN, giáo viên dạy nghề. Đội ngũ cán bộ quản lý GDNN đã được tăng cường từ cấp tỉnh tới cấp cơ sở, hầu hết các cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề đều bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để theo dõi, quản lý công tác GDNN và sử dụng lao động. Sở Lao động - Thương binh và Xã

hội luôn duy trì và đảm bảo 05 biên chế phòng dạy nghề (phòng GDNN), 05 biên chế phòng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, UBND cấp huyện duy trì và đảm bảo ít nhất 01 biên chế thực hiện công tác quản lý nhà nước về GDNN và lao động, việc làm. Các cơ sở GDNN bố trí đủ số lượng cán bộ quản lý, đảm bảo tiêu chuẩn; định kỳ hàng năm các cơ quan chức năng đều phối hợp với các cơ sở GDNN tổ chức hoặc cử các đoàn tham gia Hội giảng giáo viên dạy nghề (nhà giáo GDNN) các cấp, qua đó nhà giáo của các cơ sở GDNN có cơ hội gặp gỡ giao lưu, trao đổi những kinh nghiệm trong giảng dạy, từ đó tìm ra những bài giảng hay, phương pháp giảng dạy mới phát huy được tính tích cực của học sinh để áp dụng trong toàn khối GDNN. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên được quan tâm thực hiện.

Tính đến năm 2015, toàn tỉnh có 373 cán bộ quản lý (tăng 104 người so với năm 2010); trong đó, tiến sĩ 02 người (tăng 02 người), thạc sĩ 44 người (tăng 24 người), đại học 170 người (tăng 9 người), cao đẳng 122 người (tăng 60 người), trình độ khác 35 người (tăng 9 người). Số nhà giáo GDNN tăng 87 so với năm 2010 lên 1.373 người (trong đó: thạc sĩ 114 người, chiếm 8,3%; đại học có 653 người, chiếm 47,56%; cao đẳng có 327 người, chiếm 23,82%; nghệ nhân, công nhân kỹ thuật, thợ bậc cao và ở trình độ khác là 279 người, chiếm 20,32%). Trong giai đoạn 2011 – 2015, đã có trên 400 lượt cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý nhà nước về GDNN và học tập lý luận chính trị từ trình độ trung cấp trở lên; có 136 nhà giáo được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, bồi dưỡng kỹ năng dạy học cho trên 100 nhà giáo để tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn, có 18 nhà giáo được cử tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng soạn và giảng bài giảng tích hợp do Tổng cục dạy nghề tổ chức. Số cán bộ, nhà giáo cơ bản đáp ứng đủ về chất lượng, số lượng theo quy mô, ngành nghề cấp trình độ đào tạo; tuy nhiên, số nhà giáo có trình độ thạc sĩ trở lên còn ít, trong khi có tới 20,32% nhà giáo là nghệ nhân, công nhân kỹ thuật, thợ bậc cao chủ yếu đào tạo ở trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên.

Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ quản lý công tác GDNN trên địa bàn tỉnh được duy trì theo số lượng của giai đoạn trước. Tổng số đội ngũ cán bộ quản lý GDNN thuộc các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh là 122 người (giảm 246 người so với năm 2015 do sáp nhập, giải thể, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN); trong đó: trình độ trên đại học chiếm 46% (tăng 33% so với 13% năm 2015); trình độ đại học, cao đẳng chiếm 44,3% (giảm 33,7% so với 78% năm 2015); trình độ trung cấp chiếm 0,7 % (giảm 8,3% so với 9% năm 2015). Tổng số nhà giáo GDNN tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh là 1.061 người, (giảm 331 người so với năm 2015); trong đó: trình độ trên đại học chiếm 20,3% (tăng 12% so với năm 2015); trình độ đại học và cao đẳng chiếm 64,8% (giảm 6,6% so với năm 2015); trình độ trung cấp và công nhân kỹ thuật chiếm 14,9% (giảm 5,4% so với năm 2015). Như vậy, có thể thấy chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý đã có bước chuyển theo hướng tích cực về cơ cấu; tăng mạnh ở cấp trình độ trên đại học và giảm mạnh ở trình độ đào tạo khác; có 100% đội ngũ cán bộ quản lý GDNN đảm bảo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý theo quy định. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ quản lý của cơ quan quản lý nhà nước được ít biên chế,

100% cán bộ quản lý cấp huyện kiêm nhiệm trong khi lĩnh vực quản lý nhà nước về GDNN được giao chuyên sâu từ năm 2017 đến nay (thêm các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý trước đây) hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn Luật GDNN và các văn bản pháp luật có liên quan chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập nên hiệu quả công việc chưa cao. Các cơ sở GDNN luôn có đủ nhà giáo GDNN đáp ứng theo quy định đảm bảo về chất lượng, số lượng theo quy mô, ngành nghề cấp trình độ đào tạo tại từng thời điểm; chất lượng nhà giáo ngày càng được nâng lên, tăng tỷ lệ nhà giáo có trình độ trên đại học, giảm 5,42% tỷ lệ nhà giáo là nghệ nhân, công nhân kỹ thuật, thợ bậc cao đào tạo ở trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên so với giai đoạn trước.

Trong giai đoạn 2021 - 2023, UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo các sở, ngành, địa phương quan tâm thực hiện tốt việc quy hoạch, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý; xây dựng chính sách đặc thù của tỉnh để hỗ trợ nhà giáo tiếp tục học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa theo quy định và nâng cao chất lượng; tổ chức thực hiện kịp thời cơ chế, chính sách của Trung ương cho nhà giáo GDNN. Nhằm thu hút nhà giáo GDNN không phải là công chức, viên chức nhà nước; lao động trong doanh nghiệp tham gia giảng dạy trong các cơ sở GDNN, HĐND tỉnh đã ban hành một số chính sách hỗ trợ GDNN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, trong đó có chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho nhà giáo GDNN tại Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 với mức hỗ trợ tối đa cho mỗi nhà giáo là 04 triệu đồng/01 khóa học. Đến nay, các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ sở GDNN đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn cho 69 cán bộ, nhà giáo; có 620 lượt nhà giáo GDNN được đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, phương pháp kỹ năng dạy học, kiến thức khởi sự doanh nghiệp, phương pháp dạy học trực tuyến, chuyển đổi số trong GDNN... bằng nguồn vốn sự nghiệp, ngân sách Trung ương; hỗ trợ kinh phí đào tạo theo quy định tại Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND cho 02 nhà giáo GDNN, tổng kinh phí 5 tỷ đồng; có 08 cán bộ, nhà giáo tham gia đánh giá chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đạt yêu cầu nhưng chưa được cơ quan quản lý cấp chứng chỉ và có 05 chuyên gia, người lao động có tay nghề cao trong các doanh nghiệp được các cơ sở GDNN thu hút tham gia thỉnh giảng đang đi học bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm chưa tốt nghiệp. Ngoài ra, các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh đã chủ động tổ chức và cử 49 nhà giáo GDNN tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo giảng dạy trình độ cao đẳng, trung cấp.

Đến hết năm 2023, đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về GDNN các cấp vẫn được duy trì theo vị trí việc làm đã được phê duyệt (duy trì 01 phòng GDNN cấp Sở với 05 biên chế công chức; mỗi huyện bố trí có 01 chuyên viên thuộc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiêm nhiệm). Các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN đều đã kiện toàn cán bộ quản lý theo đúng quy định. Tổng số đội ngũ cán bộ quản lý GDNN thuộc các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh tính đến thời điểm báo cáo là 181 người (tăng 59 người so với năm 2020); trong đó: Trình độ tiến sĩ 03 người, chiếm 1,7%; trình độ thạc sĩ 106 người, chiếm 58,6%; trình độ

đại học 57 người (chiếm 31,5%), trình độ cao đẳng 07 người (chiếm 3,9%), trình độ khác 08 người (chiếm 4,4%); 100% đội ngũ cán bộ quản lý GDNN đảm bảo trình độ chuyên môn và nghiệp vụ theo quy định. Tổng số nhà giáo GDNN tại các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh là 848 người, giảm 438 người so với tổng số nhà giáo GDNN năm 2010<sup>28</sup> và có số lượng ít nhất trong giai đoạn 2010-2023. Trong đó: Trình độ tiến sĩ 03 người chiếm 0,3%; thạc sĩ 228 người chiếm 26,9%; trình độ đại học 370 người, chiếm 43,6%; trình độ cao đẳng 97 người, chiếm 11,4%; trình độ trung cấp, công nhân kỹ thuật, thợ bậc cao 150 người, chiếm 17,6%. Có 100% nhà giáo tại các trường cao đẳng, trung cấp đạt chuẩn theo quy định.

#### ***2.4. Công tác liên kết đào tạo và hội nhập quốc tế trong đào tạo nghề***

Trong giai đoạn 2010 - 2015, với xuất phát điểm về kinh tế xã hội, quy mô phát triển công nghiệp và năng lực đào tạo của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh còn hạn chế; công tác đào tạo nghề, học nghề gắn với giải quyết việc làm nhất là học nghề chính quy, học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của học sinh, người dân, của các cấp chính quyền cũng như của toàn xã hội. Công tác tuyển sinh, đào tạo của các Trường Cao đẳng, Trung cấp gặp nhiều khó khăn; công tác đào tạo nghề được tập trung chủ yếu là đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn và do các cơ sở dạy nghề thành lập tại các doanh nghiệp thực hiện; vì vậy, phần lớn các cơ sở dạy nghề đã chủ động phối hợp với các doanh nghiệp để cho học sinh được thực tế tại doanh nghiệp nhằm tận dụng đội ngũ thợ lành nghề tham gia hướng dẫn người học, cơ sở vật chất, máy móc thiết bị của doanh nghiệp, tăng kiến thức thực tế và kỹ năng nghề cho người học, đào tạo ngắn hạn phục vụ nhu cầu lao động của chính doanh nghiệp, đặc biệt là các nghề may công nghiệp, điện tử, điện lạnh và một số nghề cơ khí, kỹ thuật.

Triển khai thực hiện Quyết định số 2448/QĐ-TTg ngày 16/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề đến năm 2020”, trong đó có mục tiêu là “*Phấn đấu xây dựng 05 trường nghề đạt cấp độ quốc tế; tiếp nhận và sử dụng 49 chương trình, giáo trình dạy nghề cấp độ khu vực ASEAN và 26 chương trình, giáo trình dạy nghề cấp độ quốc tế*”, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành liên quan, quan tâm thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề; lựa chọn, tập trung đầu tư phát triển các trường nghề đạt cấp độ quốc tế. Tuy nhiên do năng lực của các trường nghề chưa đủ mạnh (Trường Cao đẳng nghề Bắc Giang, Trường Trung cấp nghề Thủ công mỹ nghệ 19/5... đều phải sáp nhập, giải thể sau này) nên đến hên năm 2015, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang không có trường nghề nào đầu tư đạt cấp độ quốc tế và được tiếp nhận và sử dụng chương trình, giáo trình dạy nghề cấp độ khu vực ASEAN, cấp độ quốc tế.

Luật Giáo dục nghề nghiệp ra đời và bắt đầu có hiệu lực từ cuối năm 2015 thay thế Luật Dạy nghề; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục và Luật

<sup>28</sup> Tổng nhà giáo GDNN năm 2010 là 1286 người.

Giáo dục đại học. Cùng với đó là việc Chính phủ giao cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất chức năng quản lý nhà nước về GDNN (bao gồm cả các Trường chuyên nghiệp và Trường Dạy nghề); sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan trong việc mạnh mẽ đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, rà soát, sắp xếp các cơ sở GDNN công lập. Trong giai đoạn 2016 - 2020, các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN đã từng bước chủ động đẩy mạnh việc hợp tác 3 bên Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp; hoạt động hợp tác quốc tế trong GDNN tại Bắc Giang đã tiến triển tương đối rõ nét, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng GDNN hiện đại, tiếp cận nền GDNN tiên tiến quốc gia, trong khu vực và trên thế giới, là tiền đề để cơ sở GDNN phát triển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Một số trường cao đẳng, trung cấp đã gắn kết với doanh nghiệp trong mọi hoạt động GDNN như: mời doanh nghiệp tham gia hội đồng trường, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, thực hành, thực tập cho học sinh, sinh viên, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho lao động của doanh nghiệp, đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp, cung ứng nhân lực của các cơ sở GDNN cho doanh nghiệp tuyển dụng sau đào tạo...

Thực tế, các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã thường xuyên hợp tác với các doanh nghiệp FDI (doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) ở trong nước tổ chức các chương trình hợp tác trong GDNN rất hiệu quả. Doanh nghiệp cùng tham gia đào tạo với nhà trường và ký hợp đồng lao động với học sinh, sinh viên ngay từ khi các em nhập học (chi trả toàn bộ chi phí ăn ở, học tập, sinh hoạt cho người học) hoặc hợp tác đào tạo 50-50 (người học trả 50% chi phí, doanh nghiệp hỗ trợ 50% chi phí). Sau khi tốt nghiệp, được tuyển dụng và làm việc theo vị trí việc làm. Thêm vào đó, để nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ, đẩy mạnh chỉ tiêu phân luồng trong giáo dục, mỗi năm các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh đã liên kết với các cơ sở GDNN ngoài tỉnh để đào tạo nghề, trình độ trung cấp cho đối tượng 9+ (học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục vừa học văn hóa chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT vừa học trung cấp nghề), trung bình khoảng trên 2.500 học sinh/năm.

Công tác hợp tác quốc tế trong GDNN đã có kết quả tốt. Một số cơ sở GDNN đã hình thành bộ phận quản lý về hoạt động hợp tác quốc tế là Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp. Các cơ sở này đã hợp tác với các tổ chức quốc tế để nâng cao chất lượng GDNN như: hợp tác với Hàn Quốc để phát triển chương trình đào tạo, xây dựng 05 bộ chương trình đào tạo đối với 05 nghề gồm: Cắt gọt kim loại, công nghệ ô tô, công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), điện tử công nghiệp và điện công nghiệp; hợp tác quốc tế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý; xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng, nâng cao chất lượng dạy nghề, nâng cao năng lực toàn cầu đối với các cơ sở đào tạo nghề, sự phát triển GDNN trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0... tại Hàn Quốc, CHLB Đức, Vương quốc Anh, Campuchia, Malaysia, Trung Quốc; hợp tác quốc tế về đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất và nhà xưởng thực hành phục vụ hoạt động dạy và học; cử 100%

nhà giáo giảng dạy thực hành tham gia thi chứng chỉ nghề Quốc gia 3/5; cử nhà giáo làm chuyên gia kỹ thuật cho kỳ thi tay nghề Quốc gia và kỳ thi tay nghề ASEAN; hợp tác quốc tế trong các hoạt động nghiên cứu khoa học; trao đổi giảng viên; trao đổi học sinh, sinh viên; đào tạo Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc cho học sinh, sinh viên; tuyển sinh du học; hợp tác trong kiểm định chất lượng dạy nghề Hàn Quốc (KIPEE) đánh giá kiểm định đạt cấp độ 2, 3 trong 02 năm; tham gia khối dạy nghề theo Chương trình Đổi mới đào tạo nghề Việt Nam (Chương trình TVET) đến từ 05 quốc gia: Thái lan, Campuchia, Malaysia, Hàn Quốc, Việt Nam. Ngoài ra, các Trường cũng chủ động hợp tác với nhiều doanh nghiệp nước ngoài để tổ chức các hoạt động tìm kiếm địa điểm thực tập và việc làm cho sinh viên...

Nội dung hợp tác cũng từng bước được mở rộng từ học tập, trao đổi kinh nghiệm, Bồi dưỡng đào tạo giáo viên, quản lý giáo dục nghề nghiệp, đến chuyển giao chương trình dạy nghề, phương pháp đào tạo nghề, đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động và quản lý chất lượng dạy nghề, thống nhất tiêu chí đánh giá trình độ kỹ năng nghề nghiệp. Qua đó, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo được đầu tư hiện đại; chất lượng GDNN được nâng lên đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động; góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Từ năm 2021 đến nay, trước bối cảnh mới với sự phát triển nhanh chóng của Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế sâu rộng đã đặt ra nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; các cơ sở GDNN đã càng thêm tích cực, tăng cường tính chủ động phối hợp với các doanh nghiệp trong hoạt động GDNN. Ngoài việc duy trì hợp tác với doanh nghiệp trong mọi hoạt động GDNN trong nước, các cơ sở GDNN đã chủ động, đẩy mạnh tìm kiếm mối quan hệ và hợp tác với cơ sở đào tạo ngoài nước mang lại hiệu quả cao trong GDNN. Một số kết quả nổi bật cụ thể: một số trường cao đẳng: Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang, Kỹ thuật Công nghiệp, miền núi Bắc Giang liên kết đào tạo với trên 50 doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất có liên quan, đặc biệt là ngành công nghiệp sản xuất bán dẫn với Hana Micron Vina tại KCN Vân Trung và cơ khí tự động hóa trong sản xuất (trong đó có Robot công nghiệp) với công ty SEOJIN Việt Nam tại KCN Song Khê - Nội Hoàng; liên kết đào tạo theo mô hình “1+1+1” trong lĩnh vực tự động hóa sản xuất với Công ty GOERTEK VINA tại KCN Quế Võ, Bắc Ninh; Hợp tác với Cơ quan hợp tác quốc tế KOICA tại Việt Nam; xúc tiến hợp tác với Hiệp hội công nghiệp đóng tàu Hàn Quốc trong đào tạo và đưa lao động là người Bắc Giang học nghề Hàn sang làm việc tại Hàn Quốc (sau khi kết thúc thời hạn làm việc theo hợp đồng tại Hàn Quốc sẽ trở về Việt Nam, bổ sung vào lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật cao của Bắc Giang). Tham gia các dự án liên kết đào tạo quốc tế; trao đổi kinh nghiệm và tiêu chuẩn giáo dục nghề nghiệp; trao đổi chương trình giáo trình; trao đổi giảng viên, sinh viên,... Nhờ đó, các sinh viên học nghề có nhiều cơ hội được tiếp cận với trình độ cao hơn, phù hợp với yêu cầu của các doanh nghiệp nước ngoài cũng như mở ra các cơ hội nghề nghiệp trong môi trường quốc tế.

Trong giai đoạn 2021-2023, các cơ sở GDNN, trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện tiếp tục liên kết thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nghề cho học sinh 9+. Mỗi năm có trung bình trên 4.000 học sinh được liên kết đào tạo theo mô hình vừa học văn hóa chương trình GDTX cấp THPT vừa học nghề trình độ trung cấp. Hợp tác với doanh nghiệp, liên kết trong đào tạo nghề được xác định là yếu tố then chốt cho thành công của hệ thống giáo dục GDNN. Hoạt động này đa phần do các cơ sở GDNN chủ động, một số doanh nghiệp có quy mô lớn đã nhìn thấy được hiệu quả và tham gia sâu vào quá trình đào tạo nghề. Mối quan hệ hợp tác này đem lại nhiều lợi ích cho người học.

### ***2.5. Kết quả công tác tuyển sinh và đào tạo nghề, phân luồng học nghề và thực hiện chính sách đào tạo nghề***

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, các cấp uỷ, Mặt trận Tổ quốc, chính quyền, đoàn thể và các cơ quan thông tin truyền thông đã tích cực tuyên truyền về vị trí, vai trò của công tác đào tạo nghề, nhu cầu lao động qua đào tạo nghề của thị trường lao động, các chính sách của nhà nước đối với đào tạo nghề để các bậc phụ huynh, người lao động có định hướng đúng đắn trong việc đầu tư vào học nghề; các cơ sở dạy nghề cũng đã tích cực tuyên truyền, tư vấn về việc làm, đào tạo nghề cho người lao động và triển khai các hoạt động tuyển sinh học nghề; Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương chỉ đạo các Trường quan tâm triển khai thực hiện công tác phân luồng học sinh Trung học cơ sở vào học nghề theo tinh thần chỉ đạo tại Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả giáo dục phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn, trong đó *"phần đầu có ít nhất 30% học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở đi học nghề"*. Tổng số học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học Trung cấp chuyên nghiệp hoặc Trung cấp nghề trong giai đoạn 2010 - 2015 là 21.569 học sinh/111.262 học sinh tốt nghiệp THCS, đạt tỷ lệ 19,3%; thấp hơn 10,7% so với mục tiêu là 30% đã đề ra.

Trong giai đoạn 2010 - 2015, các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh đã tuyển sinh, đào tạo nghề cho 166.077 lao động (đạt 103,5% kế hoạch); trong đó: Cao đẳng là 2.678 người, Trung cấp là 15.521 người, Sơ cấp và Đào tạo thường xuyên là 147.878 người. Đã hỗ trợ đào tạo nghề cho 43.902 lao động nông thôn theo Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 33,5% năm 2010 lên 50,5% năm 2015 và tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 32% (đạt 100% so với mục tiêu Chương trình nâng cao chất lượng đào tạo nghề giai đoạn 2011 - 2015).

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả giáo dục phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn. Để có sự quan tâm hơn nữa của

các bậc phụ huynh, người lao động; tăng cường, định hướng công tác giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào học các trình độ GDNN; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2905/KH-UBND ngày 13/8/2019 về triển khai đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025 và triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025*” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang với mục tiêu đến năm 2020 “*Phấn đấu ít nhất 30% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp; đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 25%*.”; “*Phấn đấu ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng; đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 30%*”. Trong giai đoạn 2016 - 2020; tổng số học sinh tốt nghiệp THCS tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội bình thường được phân luồng vào học các trình độ GDNN là 4.753 học sinh (chiếm tỷ lệ 21,71 % và đạt 72,4% so với Kế hoạch), số học sinh tốt nghiệp THCS tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được phân luồng vào học các trình độ GDNN là 603 học sinh (chiếm tỷ lệ 27,19 % và đạt 108,8% so với Kế hoạch); tổng số học sinh tốt nghiệp THPT tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội bình thường được phân luồng vào học các trình độ GDNN là 6.907 (chiếm tỷ lệ 34,43% và đạt 86,1% so với Kế hoạch), số học sinh tốt nghiệp THPT tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được phân luồng vào học các trình độ GDNN là 407 (chiếm tỷ lệ 59,01% và đạt 196,7% so với kế hoạch).

Giai đoạn 2016-2020, các cơ sở GDNN đã tuyển sinh và đào tạo nghề cho 158.106 người (đạt 111% kế hoạch); trong đó, Cao đẳng là 5.998 người, Trung cấp là 16.811 người, Sơ cấp và Đào tạo dưới 03 tháng là 135.297 người. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; các địa phương trong toàn tỉnh đã hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn cho 15.386 lao động nông thôn. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong giai đoạn này đã được phân cấp cho UBND các huyện, thành phố chủ động rà soát, xây dựng kế hoạch và triển khai đào tạo; qua đó đã gắn trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý; ngành, nghề đào tạo đa dạng, phù hợp với nhu cầu đào tạo của người học và doanh nghiệp theo từng địa bàn. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 50,5% năm 2015 lên 70% năm 2020, đạt 100% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đề ra.

Trong giai đoạn 2021 - 2023, tiếp tục thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/05/2018 phê duyệt Đề án “*Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025*” và Kế hoạch số 2905/KH-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh. Tổng số học sinh



tốt nghiệp THCS tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội bình thường được phân luồng vào học các trình độ GDNN là 6.046 học sinh (đạt tỷ lệ 26,8% và bằng 67% so với kế hoạch), số học sinh tốt nghiệp THCS tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được phân luồng vào học các trình độ GDNN là 1.068 học sinh (đạt tỷ lệ 28,9% và bằng 96,2% so với kế hoạch); tổng số học sinh tốt nghiệp THPT tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội bình thường được phân luồng vào học các trình độ GDNN là 7.256 người (đạt tỷ lệ 42% và bằng 93,4% so với kế hoạch), số học sinh tốt nghiệp THPT tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được phân luồng vào học các trình độ GDNN là 1.598 người (đạt tỷ lệ 48% và bằng 138% so với chỉ tiêu kế hoạch). Tỷ lệ học sinh được phân luồng vào học các trình độ GDNN trong giai đoạn này đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng tỷ lệ phân luồng nói chung vẫn chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Đã có 87.344 lao động được tuyển sinh, đào tạo nghề (đạt 101,3% kế hoạch và đạt 59,2% kế hoạch giai đoạn 2021-2025); trong đó, Cao đẳng là 4.966 người; Trung cấp là 14.047 người; Sơ cấp và Đào tạo dưới 03 tháng là 68.331 người. Các cấp, các ngành, các địa phương và các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN trong tỉnh tiếp tục quan tâm triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động là các đối tượng thuộc các Chương trình MTQG (Giảm nghèo bền vững, Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi). Tổng kinh phí được các địa phương trong tỉnh giải ngân là 24.389/31.176 triệu đồng (đạt 78,2% kế hoạch vốn giao) để thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho 6.133 lao động (Sơ cấp: 2.407 người; đào tạo dưới 03 tháng: 3.726 người); trong đó, từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 4.878 người (Sơ cấp: 1.956 người; đào tạo dưới 03 tháng: 2.922 người) và Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi là 1.255 người (Sơ cấp: 451 người; đào tạo dưới 03 tháng: 804 người). Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 70% năm 2020 lên 76% năm 2023, đạt 100% so với kế hoạch và đạt 95% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra đến năm 2025 đạt 80%. Đến hết năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có bằng, chứng chỉ đạt 33%, vượt 37,5% so với kế hoạch giai đoạn 2021-2023 đề ra là 24% và vượt 31,4% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra là đến năm 2025 đạt 25,1%.

## **2.6. Kết quả sử dụng lao động sau đào tạo**

Giai đoạn 2010 - 2015, cùng với công tác đào tạo nghề, công tác giải quyết việc làm, quản lý lao động luôn được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo; Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII (năm 2010) đề ra chỉ tiêu “*Giải quyết việc làm mới cho 27 nghìn lao động/năm*”; cấp ủy, chính quyền các cấp đã ban hành nghị quyết, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện công tác giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo nghề, phấn đấu ít nhất 70% lao động có việc làm sau học nghề. Trong giai đoạn này, tình hình kinh tế trong nước và thế giới gặp khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp bị ảnh hưởng, nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp còn hạn chế, bình

quân mỗi năm khoảng 15.000 lao động và chủ yếu tuyển lao động phổ thông trong nhóm tuổi từ 18 - 30, có thời điểm nhiều doanh nghiệp lớn phải giải thể, dừng hoạt động làm nhiều lao động bị mất việc làm như đầu năm 2013, Công ty TNHH linh kiện điện tử SANYO OPT Việt Nam - KCN Quang Châu chấm dứt hoạt động dự án đầu tư và chấm dứt hợp đồng lao động với 3.750 người lao động; năm 2014, Công ty TNHH Wintek Việt Nam - KCN Quang Châu tạm dừng hoạt động và chấm dứt hợp đồng lao động với 8.800 lao động.

Song, với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương và sự nỗ lực cố gắng của doanh nghiệp, sự hỗ trợ thường xuyên của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh và các cơ sở dạy nghề, sự chủ động tích cực tham gia thị trường lao động của người lao động, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 136.620 lao động (trong đó có 20.923 người đi làm việc ở nước ngoài), bình quân đạt 27.324 người/năm, đạt 101,2% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra. Số học sinh, sinh viên, người học nghề được các doanh nghiệp, hợp tác xã... tuyển dụng có việc làm mới sau khi tốt nghiệp, ra trường là 118.513 lao động (đạt 71,4% trên tổng số); chia theo cấp trình độ đào tạo cụ thể: trình độ cao đẳng là 2.415 người (đạt 90,2%), trình độ trung cấp là 12.417 người (đạt 80%), sơ cấp và đào tạo thường xuyên là 103.681 người (đạt 70,1%). Đến năm 2015, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế là 1.025.829 người, tăng 47.418 người so năm 2010; tổng số lao động làm việc trong các doanh nghiệp là 143.125 người (tăng 78.138 người so với năm 2010), trong đó lao động làm trong các KCN có 42.151 người (tăng 25.776 người so với năm 2010); lao động qua đào tạo làm việc trong các doanh nghiệp có 77.706 người, chiếm tỷ lệ 54,3%; cơ cấu lao động của tỉnh chuyển dịch theo hướng tích cực, lao động trong lĩnh vực nông - lâm - thủy sản của tỉnh chiếm tỷ lệ 56,5%, giảm 12,8% so với năm 2010; lao động lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ lệ 24,5%, tăng 9,9% so với năm 2010; lao động trong lĩnh vực dịch vụ chiếm tỷ lệ 19%, tăng 2,9% so với năm 2010.

Giai đoạn 2016-2020, cùng với công tác đào tạo nghề, công tác giải quyết việc làm, quản lý lao động tiếp tục được Tỉnh uỷ, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo tăng cường; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII (năm 2015) đề ra chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020 là “*Tạo việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm 29.000 - 30.000 lao động*”. Tỉnh uỷ đã tập trung chỉ đạo các giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, dịch vụ nhằm tạo thêm nhiều việc làm mới; UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp trong Chương trình giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động giai đoạn 2012 - 2020 của tỉnh. Ban Chỉ đạo công tác GDNN và giải quyết việc làm tỉnh Bắc Giang hằng năm đã xây dựng kế hoạch chỉ đạo công tác GDNN và giải quyết việc làm. Mặc dù những năm cuối của giai đoạn (năm 2019 và năm 2020) tỉnh Bắc Giang là một trong nhiều tỉnh trên cả nước rất khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng dưới sự lãnh đạo sát sao của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn đã tích cực tham mưu giải pháp đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động góp

phần tích cực phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả việc sử dụng lao động nói chung và lao động qua đào tạo như sau:

Số học sinh, sinh viên, người học nghề được các doanh nghiệp, hợp tác xã... tuyển dụng có việc làm mới sau khi tốt nghiệp, ra trường là 115.531 người (đạt 73% trên tổng số); chia theo cấp trình độ đào tạo cụ thể: trình độ cao đẳng là 5.518 người (đạt 92%), trình độ trung cấp là 13.953 người (đạt 83%), sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng là 96.060 người (đạt 71%). Toàn tỉnh đã giải quyết việc làm bình quân 29.730 người/năm (đạt 102,3% so với kế hoạch). Đến năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế của tỉnh là 1.119.200 người, tăng 140.789 người so với năm 2010 và tăng 93.371 người so với năm 2015; tổng số lao động làm việc trong các doanh nghiệp là 254.603 người (cao hơn 148,8% so với năm 2010 và cao hơn 93% so với năm 2015); cơ cấu lao động của tỉnh tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, lao động trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỷ lệ 38,3% (giảm 17,7%), lao động lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ lệ 37,7% (tăng 10,9%), lao động trong lĩnh vực dịch vụ chiếm tỷ lệ 24,0% (tăng 6,8% so với năm 2015).

Trong giai đoạn 2021-2023, số học sinh, sinh viên, người học nghề được các doanh nghiệp, hợp tác xã... tuyển dụng có việc làm mới sau khi tốt nghiệp, ra trường là 68.911 lao động (đạt 78,9% trên tổng số); chia theo cấp trình độ đào tạo cụ thể: trình độ cao đẳng là 4.618 người (đạt 93%), trình độ trung cấp là 12.361 người (đạt 88%), sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng là 51.932 người (đạt 76%). Toàn tỉnh giải quyết việc làm bình quân 33.700 người/năm, đạt 102,6% so với chỉ tiêu kế hoạch của giai đoạn (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra là giải quyết việc làm bình quân 32.850 người/năm). Đến năm 2023, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế của tỉnh là 1.010.500 người, tăng 50.400 người so với năm 2021 (Từ năm 2021, do ngành thống kê áp dụng phương pháp thống kê chỉ tiêu lực lượng lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế theo tiêu chuẩn mới nên không so sánh số liệu năm 2023 với số liệu từ năm 2020 trở về trước). Tổng số lao động làm việc trong các doanh nghiệp là 308 nghìn người, tăng 4,7 lần so với năm 2010 (năm 2010 có 65 nghìn người), tăng 2,2 lần so với năm 2015 (năm 2015 có 143 nghìn người) và tăng 1,2 lần so với năm 2020 (năm 2020 có 272.360 người). Cơ cấu lao động của tỉnh tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, lao động trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp của tỉnh chiếm tỷ lệ 25,2%, (giảm 13,1% so với năm 2020), lao động lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ lệ 44,2% (tăng 6,6% so với năm 2020), lao động trong lĩnh vực dịch vụ chiếm tỷ lệ 30,6% (tăng 6,5% so với năm 2020).

Kết quả của thu hút, sử dụng lao động đã góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm sau đào tạo; luôn có trên 90% người tốt nghiệp cao đẳng nghề, trên 80% học sinh tốt nghiệp trung cấp nghề, trên 70% học sinh tốt nghiệp sơ cấp nghề có việc làm mới hoặc biết cách cải thiện chất lượng, hiệu quả công việc nâng cao thu nhập sau đào tạo.

### 3. Phát triển kinh tế - xã hội

Kết quả trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực nói chung và công tác GDNN nói riêng đã có những tác động tích cực vào những thành quả nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011-2020 đạt 11,4%/năm, trong đó, giai đoạn 2011-2015 tăng 9%; giai đoạn 2016-2020 bắt đầu có sự bứt phá mạnh mẽ đạt 13,9%; bước sang giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh tiếp tục được duy trì ở mức cao, bình quân giai đoạn 2021-2023 đạt 14%, trong đó năm 2022 đạt 20,1% đứng đầu 63 tỉnh, thành phố, năm 2023 đạt 13,45% tiếp tục đứng đầu toàn quốc. Động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh chủ yếu là ngành công nghiệp, cũng đồng thời là ngành sử dụng nhiều lao động nhất và cũng có yêu cầu chất lượng nguồn nhân lực cao nhất trong nền kinh tế.

Quy mô nền kinh tế (GRDP) có sự cải thiện đáng kể; từ tỉnh đứng ở thứ hạng thấp, năm 2020 đứng thứ 16, đến năm 2023 đạt 181,9 nghìn tỷ đồng (tương đương 7,6 tỷ USD), gấp 7,5 lần năm 2011, gấp 2,85 lần năm 2015, vươn lên đứng thứ 12, đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc. GRDP bình quân/người năm 2023 đạt 3.980 USD, gấp 4,5 lần năm 2010, gấp 2,27 lần năm 2015 và 1,43 lần năm 2020; kinh tế tỉnh Bắc Giang ngày càng có những đóng góp tích cực hơn vào sự phát triển kinh tế chung của cả nước.

Đào tạo nguồn nhân lực nói chung và đào tạo nghề đã góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; năm 2023, ngành công nghiệp – xây dựng chiếm 65,7%, tăng 28% so năm 2010 (Công nghiệp 58,8% tăng 30,8% so năm 2010), tăng 23,5% so năm 2015, tăng 9,6% so năm 2020; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm còn 13%, giảm 18,1% so với năm 2010, giảm 13,1% so năm 2015 và 5,9% so năm 2020.

Về cơ cấu lao động có sự chuyển dịch mạnh mẽ, năm 2023, lao động ngành công nghiệp – xây dựng chiếm 44,2%, tăng 27,2%; dịch vụ 30,6%, tăng 15%; nông, lâm nghiệp và thủy sản 25,5%, giảm 32,2% so năm 2010.

Với việc chuyển dịch kinh tế mạnh mẽ từ ngành có năng suất lao động thấp là nông, lâm nghiệp và thủy sản sang ngành có năng suất lao động cao hơn là công nghiệp – xây dựng và dịch vụ, đã góp phần tăng năng suất lao động. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2011-2020 đạt 10,1%/năm; giai đoạn 2021-2023, tiếp tục tăng trên 10%/năm; năm 2023 đạt trên 119 triệu đồng, gấp 4,26 lần so năm 2010 và 2 lần so 2015.

Nguồn nhân lực được đào tạo, số lượng và chất lượng được nâng lên có tác động tích cực vào cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, là nhân tố có tính quyết định trong thu hút đầu tư. Thời gian qua thu hút đầu tư của Tỉnh không ngừng tăng lên, đặc biệt trong những năm gần đây Bắc Giang nổi lên, nằm trong nhóm các địa phương có sức hấp dẫn hàng đầu đối với các nhà đầu tư. Năm 2023, thu hút đầu tư đạt kết quả vượt bậc, trong đó nổi bật là thu hút nguồn vốn

FDI, không chỉ gia tăng mạnh về số lượng dự án và số vốn đầu tư mà làn sóng đầu tư từ các nước lớn tại khu vực Châu Á như Singapore, Nhật Bản và Hàn Quốc trong lĩnh vực công nghiệp phần mềm, chất bán dẫn càng khẳng định rõ nét những thay đổi đáng kể về chất trong thu hút vốn FDI vào Bắc Giang; toàn tỉnh đã thu hút được trên 3,3 tỷ USD vốn đầu tư quy đổi, gấp gần 2 lần so với cùng kỳ, đạt kỷ lục từ trước đến nay, đứng thứ 4/63 tỉnh, thành phố. Năm tháng đầu năm 2024 thu hút vốn đầu tư quy đổi đạt trên 1.118,8 triệu USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ (Trong đó: Cấp mới 14 dự án đầu tư trong nước, vốn đăng ký 9.354 tỷ đồng, điều chỉnh 8 dự án trong nước, vốn đăng ký tăng thêm 1.799 tỷ đồng; cấp mới 25 dự án FDI, vốn đăng ký 197,29 triệu USD, điều chỉnh 24 dự án FDI, tổng vốn tăng thêm là 475,37 triệu USD)<sup>29</sup>.

Bên cạnh các kết quả tích cực đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội, những tồn tại, hạn chế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp cũng tác động làm hạn chế kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội như chất lượng tăng trưởng còn chậm cải thiện, chủ yếu là ngành công nghiệp gia công, lắp ráp với nguồn nhân công tay nghề thấp; ngành dịch vụ phát triển chậm, cơ cấu giảm, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh; năng suất lao động tăng, song năng suất lao động/người còn rất thấp với bình quân chung cả nước và các nước trên thế giới ...

### **III- ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm và nguyên nhân**

##### ***1.1. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo***

- Về chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Từ đầu nhiệm kỳ 2010 - 2015 đến nay, Tỉnh uỷ đã đánh giá và nhận định đúng tình hình, đã xác định đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là một trong những trụ cột, một nhiệm vụ trọng tâm để tạo nên đột phá trong phát triển kinh tế xã hội và đã đề ra chiến lược đúng đắn phù hợp với nhu cầu thị trường lao động từng giai đoạn, từng thời kỳ. Cụ thể như: Giai đoạn 2010 - 2015, trong điều kiện kinh tế của tỉnh phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp, nhu cầu sử dụng lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp của doanh nghiệp còn hạn chế thì việc Tỉnh uỷ chỉ đạo tập trung đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn; quan tâm phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nghề, mở rộng quy mô đào tạo, ngành nghề đào tạo để phát triển kinh tế nông nghiệp, giải quyết được nhiều việc làm cho lao động nông thôn là phù hợp.

- Về tính chủ động, nhanh nhạy, kịp thời trong ban hành chủ trương, chính sách: Từ năm 2015 đến nay, nhận định công tác thu hút đầu tư có nhiều thuận lợi, Tỉnh uỷ đã chỉ đạo chuyên dịch, phát triển và thu hút nhân lực, nhất là nhân lực trình độ cao để chuyển lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ, đào tạo nghề có chất lượng cao. Từ năm 2020 đến nay đã ban hành 02 Kế hoạch về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh và về đổi mới, phát triển, nâng

<sup>29</sup> Lũy kế đến 31/12/2023, toàn tỉnh có 1.374 dự án đầu tư trong nước và 559 dự án FDI với số vốn đăng ký lần lượt là 105.268,7 tỷ đồng và trên 11,14 tỷ USD (tổng vốn quy đổi khoảng 15,5 tỷ USD). Lũy kế đến tháng 5/2024, có 1.972 dự án, vốn đầu tư đăng ký quy đổi 16,6 tỷ USD.

cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong đó chỉ đạo tập trung đào tạo lao động có tay nghề, kỹ thuật, chất lượng cao, góp phần tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế và tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để thu hút đầu tư; đã chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong đó có phương án phát triển GDNN với quan điểm phát huy tối đa nhân tố con người để đảm bảo cho sự phát triển bền vững; lấy đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo là nền tảng cho phát triển bền vững, lâu dài; tạo sự chuyển biến trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để nâng cao năng suất lao động là định hướng mới, trọng tâm cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay đã chỉ đạo tập trung phát triển ngành, nghề phục vụ phát triển công nghệ bán dẫn như các ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông, kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật, công nghệ thông tin, tự động hóa,...

- Về sự đổi mới, sáng tạo, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo: Tỉnh uỷ đã tập trung phát hiện những khó khăn, vướng mắc, nút thắt cản trở công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực trong cơ chế, chính sách và nảy sinh trong thực tiễn để chỉ đạo tháo gỡ kịp thời hoặc đề xuất giải quyết, cụ thể như chủ trương sáp nhập các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động không hiệu quả vào cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động hiệu quả để mở rộng quy mô, cơ sở vật chất đào tạo; chủ trương không chuyển trách nhiệm quản lý các Trung tâm GDNN - GDTX từ cấp tỉnh về cấp huyện theo chỉ đạo của Trung ương đã giúp giảm đầu mối quản lý, thống nhất quản lý hoạt động chuyên môn gắn với quản lý con người, tài chính, cơ sở vật chất tại các trung tâm.

- Về sự tập trung, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo: Trong các nhiệm kỳ, Tỉnh uỷ đều giao chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo cụ thể và chỉ đạo các cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; UBND tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo đào tạo nghề và giải quyết việc làm, định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch, phân công rõ người, rõ việc, rõ nhiệm vụ, giải pháp cho các ngành thành viên tham gia Ban chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tại các địa phương.

### ***1.2. Trong công tác tổ chức triển khai thực hiện***

- Trên cơ sở các Nghị quyết, kết luận, kế hoạch của Tỉnh uỷ, BTV Tỉnh uỷ về đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực và các cơ chế, chính sách do HĐND tỉnh ban hành; UBND tỉnh, các sở, ngành liên quan, các huyện uỷ, thành uỷ đều xây dựng kế hoạch hoặc chương trình thực hiện công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm; UBND các huyện, thành phố đều xây dựng kế hoạch thực hiện cho cả nhiệm kỳ và kế hoạch thực hiện hàng năm; Ủy ban MTTQ tỉnh, Hội cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Liên đoàn Lao động tỉnh... đã tích cực tham gia, triển khai, giám sát các hoạt động đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực.

- Công tác nâng cao chất lượng đào tạo trong GDNN đã được coi trọng. Quy mô đào tạo trung bình/năm đối với các trình độ cao đẳng, trung cấp tăng cao

(thực hiện giai đoạn 2016-2020 vượt 17,9% so với kế hoạch, thực hiện giai đoạn 2021-2023 vượt 50,1% so với kế hoạch; trong khi ở giai đoạn 2010 - 2015 chỉ đạt dưới 73% so với kế hoạch giai đoạn).

- Nhiều chỉ tiêu cơ bản về đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực được Đại hội Đảng bộ tỉnh, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh đề ra đều đạt và vượt kế hoạch; công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện những hạn chế và xử lý vi phạm theo thẩm quyền. Cơ cấu ngành, nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế của tỉnh, tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo và tổ chức đào tạo nhiều ngành, nghề gắn với nhu cầu việc làm của doanh nghiệp như hàn, may thời trang, điện tử, điện công nghiệp... và tiến tới đào tạo nghề phục vụ phát triển công nghiệp lĩnh vực công nghệ bán dẫn, AI.

- Một số cơ sở GDNN công lập sau khi sáp nhập đã được đầu tư một cách trọng tâm, trọng điểm mang tính dài hạn để phát triển mạnh hơn cả về quy mô tuyển sinh, cấp trình độ đào tạo và chất lượng đào tạo như: Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang, Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang. Việc sáp nhập các cơ sở GDNN công lập hoạt động không hiệu quả đã tạo điều kiện thuận lợi về tinh gọn tổ chức bộ máy biên chế; tạo sự thống nhất trọng nhiệm vụ đào tạo nghề và giáo dục thường xuyên góp phần quan trọng trong thu hút học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học nghề (9+); chất lượng đào tạo nghề của các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động và quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của tỉnh.

- Công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề được chú trọng, được phân cấp và hoạt động hiệu quả. Giai đoạn 2021-2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo và tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tăng nhanh, cơ cấu ngành, nghề đào tạo được phát triển phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế của tỉnh, nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo được quan tâm đầu tư, một số chính sách mới, đặc thù của tỉnh như chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND được thực hiện hiệu quả, góp phần hỗ trợ, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, động viên, khuyến khích người học và đội ngũ nhà giáo. Hoạt động thu hút đầu tư phát triển doanh nghiệp ngày càng đạt hiệu quả tốt nên tỷ lệ lao động sau đào tạo trình độ cao đẳng được giải quyết việc làm phù hợp với chuyên ngành đã đạt trên 90%.

### ***1.3. Nguyên nhân ưu điểm***

Tỉnh Bắc Giang nằm ở vị trí khá thuận lợi, nằm trên hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và có hệ thống giao thông kết nối thuận lợi với các cơ sở đào tạo lớn trong nước; là tỉnh có dân số đông, lực lượng lao động dồi dào, có một truyền thống học tập lâu đời và phong phú.

Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh luôn tập trung cao, bám sát chỉ đạo của Trung ương và điều kiện thực tế của tỉnh, quyết liệt, sâu sát, sáng tạo, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực và đạt được nhiều thành tựu nổi bật.

Các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh đã cơ bản nghiêm túc quán triệt, phổ biến, tuyên truyền và kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; tích cực triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước bằng các cơ chế chính sách, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề.

Cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh luôn phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng, ủng hộ, tích cực hưởng ứng các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

## **2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

### **2.1. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ GDNN còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế: Một số cấp ủy chưa nhận thức hết được tầm quan trọng của công tác GDNN đối với sự phát triển của địa phương; số lượng nghị quyết chuyên đề về phát triển GDNN có giai đoạn còn ít, một số chỉ tiêu đặt ra còn chưa sát với tình hình thực tế, trong đó có chỉ tiêu về trình độ cao đẳng, trung cấp nghề.

- Giai đoạn 2010 - 2015: Chỉ tiêu đặt ra trong nghị quyết còn chưa sát với tình hình thực tế; công tác lãnh đạo, chỉ đạo có lúc còn chưa quyết liệt trong thực hiện hoàn thành chỉ tiêu về đào tạo nghề cho lao động học trình độ cao đẳng, trung cấp nghề; chưa lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt về thực hiện tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học Trung cấp chuyên nghiệp hoặc Trung cấp nghề nên tỷ lệ phân luồng học sinh vào học nghề còn thấp<sup>30</sup> và tổng số lao động được đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp mới đạt 69% chỉ tiêu theo Nghị quyết số 43-NQ/TU.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo có lúc còn chưa quyết liệt trong xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng nguồn nhân lực có trình độ cao; chỉ có nghị quyết sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, chưa có Nghị quyết chuyên đề về công tác đào tạo. Do đó một số chỉ tiêu của tỉnh về tuyển dụng nhà giáo GDNN phân bổ cho các Trường cao đẳng, trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh không có người tham gia; nhiều nhà giáo GDNN có chuyên môn giỏi, nhiều kinh nghiệm đã chuyển đổi nghề sang làm việc tại doanh nghiệp hoặc lĩnh vực khác; tỷ lệ lao động có văn bằng, chứng chỉ vẫn còn thấp so với mức bình quân chung cả nước<sup>31</sup>.

- Giai đoạn 2021 - 2023: Mặc dù đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh, hỗ trợ chi phí học tập đối với người học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư

<sup>30</sup> Giai đoạn 2010 - 2015 tỷ lệ phân luồng của tỉnh đạt 19,3%; trong khi tỷ lệ phân luồng theo chỉ đạo tại Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả giáo dục phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn là "phần đầu có ít nhất 30% học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở đi học nghề".

<sup>31</sup> Năm 2020 tỷ lệ lao động có văn bằng, chứng chỉ của tỉnh mới đạt 19,5%, thấp hơn mức bình quân cả nước 5%.



phạm, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho nhà giáo GDNN, người lao động trong doanh nghiệp tham gia giảng dạy trong các cơ sở GDNN trong giai đoạn 2021 - 2025; đến nay chính sách đã được người học và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đón nhận và đánh giá cao. Tuy nhiên hiện nay theo ý kiến của người học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp thì giai đoạn tới cần tiếp tục nghiên cứu, nâng mức hỗ trợ lên cao hơn nữa để tương xứng với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian qua.

## ***2.2. Trong công tác tổ chức triển khai thực hiện***

Việc cụ thể hóa các chủ trương của Tỉnh ủy bằng các cơ chế, chính sách còn hạn chế về số lượng, một số chính sách đặc thù của tỉnh có hiệu lực thi hành ngắn, mức hỗ trợ thấp, chưa tương xứng với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chưa có chính sách đột phá trong thu hút đầu tư cơ sở GDNN ngoài công lập; phát triển giáo dục nghề nghiệp chưa theo kịp với yêu cầu thực tiễn hiện nay; nguồn ngân sách nhà nước dành cho công tác GDNN đầu tư dàn trải, chưa đáp ứng nhu cầu; tỷ lệ phân luồng học sinh vào học nghề giai đoạn đầu còn thấp; một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn lúng túng trong định hướng phát triển, lúng túng trong cơ cấu lại ngành nghề đào tạo; cơ chế, chính sách thu hút nhà giáo giỏi còn hạn chế, thiếu giáo viên giỏi ở một số nghề, đặc biệt ở một số nghề đào tạo chất lượng cao mà doanh nghiệp đang cần lao động; chương trình đào tạo, máy móc trang thiết bị còn chậm cập nhật, chưa theo kịp với nhu cầu thị trường.

- Giai đoạn 2010 - 2015:

+ HĐND tỉnh không ban hành cơ chế, chính sách đặc thù mới mà tiếp tục tổ chức thực hiện chính sách đã ban hành trong giai đoạn trước.

+ Các sở, ngành, địa phương và các cơ sở GDNN chưa thực sự tích cực triển khai thực hiện công tác định hướng, phân luồng, tuyển sinh học sinh tốt nghiệp THPT vào học trung cấp, cao đẳng nghề; chưa chủ động đề xuất các giải pháp để hoàn thành chỉ tiêu đào tạo nghề cho lao động trình độ cao đẳng, trung cấp.

+ Phần lớn cơ sở GDNN còn thụ động, trông chờ vào việc bố trí ngân sách nhà nước trong đầu tư cơ sở vật chất và chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Chỉ mới tập trung chú trọng đào tạo những ngành, nghề mà cơ sở có khả năng đào tạo; chưa quan tâm mở rộng ngành, nghề đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận, nhu cầu của thị trường lao động trong nước và nước ngoài. Chưa quan tâm nhiều đến liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng lao động. Quy mô đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của các cơ sở GDNN rất thấp, tuyển sinh không đạt được chỉ tiêu kế hoạch của cấp trên giao.

+ Nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo tại các doanh nghiệp còn hạn chế; nhiều doanh nghiệp lớn hoạt động không hiệu quả, dừng hoạt động, cắt giảm nhiều lao động.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

+ Các cấp uỷ đảng, các sở, ngành, địa phương chưa chủ động nghiên cứu, đề xuất ban hành hoặc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù về GDNN theo thẩm quyền được phân cấp.

+ Nguồn lực đầu tư công cho GDNN còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu. Nhiều trang thiết bị đào tạo nghề đã cũ, lạc hậu. Tỷ lệ trang thiết bị có áp dụng công nghệ số hóa, tự động hóa của các cơ sở GDNN còn thấp. Các cơ sở GDNN ngoài công lập, doanh nghiệp tham gia hoạt động GDNN chưa thực sự quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, chương trình đào tạo,...

+ Chất lượng đào tạo một số ngành, nghề của một số cơ sở GDNN chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, nhất là các kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc, năng lực ngoại ngữ, tin học,...

+ Hiệu quả hoạt động của Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự còn hạn chế, gặp khó khăn trong tuyển sinh.

+ Nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo của doanh nghiệp tăng nhanh nhưng việc thực hiện chế độ chính sách, tiền lương, đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động còn hạn chế; tình trạng ngừng việc tập thể và tình trạng nhảy việc của người lao động xảy ra nhiều<sup>32</sup>.

- Giai đoạn 2021 - 2023:

+ Việc đánh giá chuẩn đầu ra, kiểm định chất lượng đào tạo nhân lực chất lượng cao của các Trường cao đẳng còn hạn chế. Chưa thu hút được nhà đầu tư thành lập mới cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập trình độ cao đẳng, trung cấp. Công tác tuyển dụng, thu hút nhà giáo GDNN vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

+ Công tác tuyển sinh đào tạo ngắn hạn được triển khai theo các Chương trình, Đề án do Trung ương ban hành gặp nhiều khó khăn; kinh phí phân bổ cho các địa phương sử dụng bị ràng buộc bởi nhiều quy định, cơ chế và gây khó khăn trong tổ chức triển khai thực hiện ở cơ sở.

+ Chưa có trường nghề đạt chuẩn chất lượng cao, chưa có ngành, nghề được đầu tư trọng điểm ở nhóm nghề dịch vụ, chăm sóc sức khỏe, xã hội; chưa có trung tâm được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trên địa bàn tỉnh dẫn tới khó khăn cho người lao động trong doanh nghiệp khi có nhu cầu tham gia đánh giá kỹ năng nghề để được công nhận, nâng hạng bậc nghề.

+ Một số trường trung cấp chỉ tuyển sinh, đào tạo trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng, không tuyển sinh, đào tạo trình độ trung cấp theo đề án thành lập ban đầu; người đứng đầu của một số cơ sở GDNN và cơ quan chủ quản chưa thực sự quan tâm định hướng, xây dựng chiến lược phát triển quy mô, ngành nghề, chất lượng đào tạo một cách bài bản, dài hạn.

+ Các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập chưa thực sự đủ mạnh; nhất là đối với những cơ sở đào tạo lao động trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp.

<sup>32</sup> Giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh xảy ra 52 vụ ngừng việc tập thể với 48.015 người lao động tham gia.

## **2.3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

### **2.3.1. Nguyên nhân khách quan**

- Một bộ phận người dân vẫn còn tâm lý mong muốn con, em mình có tấm bằng đại học, thậm chí muốn có bằng cấp cao hơn nữa; ngược lại không muốn con, em mình vào học các trường thuộc hệ thống GDNN. Nhận thức của một bộ phận người dân, nhất là người lao động về học nghề còn hạn chế; lao động trẻ ở nông thôn đa số tham gia ngay vào thị trường lao động, công nghiệp (chưa qua đào tạo).

- Phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp có quy mô lớn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực gia công lắp ráp sản phẩm điện tử nên chủ yếu nhu cầu sử dụng lao động là lao động phổ thông. Mặt khác, môi trường làm việc, chế độ lương thưởng thấp ở một số doanh nghiệp, chưa bảo đảm được yếu tố cân bằng công việc và cuộc sống dẫn tới việc làm không bền vững, lao động thường xuyên quyết định “nhảy việc”.

- Trung ương chưa ban hành quy định về các ngành, nghề bắt buộc doanh nghiệp sử dụng người lao động đã qua đào tạo; trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc đào tạo người lao động chưa qua đào tạo. Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chương trình đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân chưa được ban hành đầy đủ, đồng bộ; đôi khi còn có sự mâu thuẫn giữa văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ dẫn tới khó khăn trong tổ chức thực hiện của các địa phương trong cả nước. Một số văn bản pháp luật về giáo dục, GDNN còn có nội dung chưa cụ thể, thiếu thống nhất, còn chồng chéo, trên thực tế phát sinh những tình tiết phức tạp khó triển khai, áp dụng.

- Do chính sách về tuyển dụng lao động, yêu cầu cấp trình độ đào tạo theo vị trí việc làm (ngành sư phạm, ngành y...) có nhiều thay đổi nên Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự gặp nhiều khó khăn trong tuyển sinh, đào tạo, định hướng phát triển.

- Các cơ quan Trung ương chưa có chính sách ưu đãi đủ mạnh để thu hút, giữ chân đội ngũ chuyên gia, nghệ nhân, người dạy nghề, nhà quản lý giỏi của doanh nghiệp tham gia vào hoạt động đào tạo nhân lực, nâng cao chất lượng đào tạo nghề trọng điểm, chuyển giao khoa học, kỹ thuật.

- Cán bộ quản lý nhà nước về GDNN tại các địa phương đều kiêm nhiệm, chuyên môn, nghiệp vụ chưa sâu, không sắp xếp được nhiều thời gian nghiên cứu văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động GDNN dẫn đến việc triển khai công tác GDNN ở địa phương còn chậm, chưa đạt mục tiêu kế hoạch cấp trên giao. Đội ngũ cán bộ quản lý GDNN tại các cơ sở GDNN chưa được đào tạo quản lý kinh tế tiến tới thực hiện nhiệm vụ tự chủ trong cơ sở GDNN.

- Chưa có phần mềm cập nhật, tổng hợp thông tin thị trường lao động dùng chung và thống nhất trên toàn quốc nên khó khăn cho địa phương cập nhật đồng bộ. Chưa có văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định cụ thể những ngành, nghề bắt buộc doanh nghiệp tuyển dụng phải qua đào tạo.

- Trong giai đoạn 2010 - 2015:

+ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” và Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 được triển khai thực hiện trong một thời gian quá dài, không kịp thời sửa đổi, thay thế cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

+ Trong giai đoạn này tồn tại cùng lúc 02 hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập là các Trung tâm giáo dục thường xuyên, các Trường chuyên nghiệp thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Giáo dục và hệ thống các cơ sở dạy nghề thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Dạy nghề đã gây khó khăn trong công tác quản lý, tập trung nguồn lực đầu tư của các địa phương; các ngành nghề thuộc khối xã hội, kinh tế (ở trình độ cao đẳng trở xuống) đã không còn phù hợp với nhu cầu của xã hội, thị trường lao động nên khó hoặc không thể tuyển sinh.

+ Đến hết năm 2015, khi chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp đã bàn giao thống nhất sang thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (trừ ngành Sư phạm); số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 86 đơn vị nhưng chủ yếu tuyển sinh, đào tạo ở trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên; công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học nghề còn nhiều hạn chế nên công tác tuyển sinh hệ Cao đẳng, Trung cấp gặp nhiều khó khăn; sự phối hợp giữa nhiệm vụ giáo dục thường xuyên và đào tạo nghề giữa các Trung tâm Giáo dục thường xuyên với các Trung tâm dạy nghề, Trường Trung cấp, Trường Cao đẳng để đáp ứng nhu cầu vừa học văn hóa vừa học nghề của người học còn nhiều bất cập, gây lãng phí nguồn lực đầu tư, hiệu quả đào tạo.

- Trong giai đoạn 2016 - 2020 và đến nay: Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự trở thành trường đa ngành nhưng Hội đồng trường và Ban Giám hiệu đã chưa kịp thời nắm bắt cơ hội để tận dụng những lợi thế (cả phía Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) nên đã chậm trong tham mưu, định hướng phát triển lâu dài để thu hút các nguồn lực đầu tư.

### **2.3.2. Nguyên nhân chủ quan**

Một số cấp ủy, chính quyền còn chưa thực sự quan tâm tới công tác đào tạo, phát triển nhân lực nói chung và công tác đào tạo nghề/GDNN chất lượng cao nói riêng. Một số bộ phận trong xã hội chưa nhận thức đầy đủ về vai trò quan trọng trong GDNN và giải quyết việc làm phù hợp.

Công tác nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách mới, mang tính đột phá của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan còn nhiều hạn chế; chưa xác định rõ được vai trò, trách nhiệm trong lĩnh vực GDNN để thường xuyên, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu các cơ chế, chính sách phù hợp với đặc thù của đơn vị được giao quản lý.

Công tác tuyên truyền, định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT vào GDNN chưa sâu, chưa làm thay đổi được tâm lý của các bậc huynh học sinh.

Công tác điều tra, thu thập thông tin về thị trường lao động không được thực hiện thường xuyên (hầu hết các cuộc điều tra chỉ được tiến hành 01 lần/năm trong khi biến động về thị trường lao động là thường xuyên), chưa kịp thời cung cấp thông tin cập nhật về cung - cầu lao động cho các nhà tuyển dụng và người lao động cũng như các cơ sở đào tạo để có định hướng đào tạo đáp ứng nhu cầu thị trường.

Ngân sách Nhà nước chi cho hoạt động GDNN thấp, Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo của nhiều cơ sở GDNN mặc dù đã được đầu tư nhưng chưa thường xuyên và chưa đồng bộ. Nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho GDNN còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Các dự án đầu tư của doanh nghiệp, nhất là khu vực FDI vào tỉnh Bắc Giang thời gian qua chủ yếu mới quan tâm tới lợi thế về lao động giá rẻ; chưa thật sự chú trọng tới việc đào tạo nghề cho người lao động.

Người đứng đầu của một số cơ sở hoạt động GDNN công lập chưa chủ động, chưa thường xuyên gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo nghề và các hoạt động GDNN theo trách nhiệm, thẩm quyền.

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, sau sáp nhập, Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang hoạt động chưa bảo đảm hiệu quả và chưa phát huy hết thế mạnh của một trường đa ngành.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay, các Trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện sau khi sáp nhập, thực hiện 02 nhiệm vụ là dạy văn hóa GDTX và đào tạo nghề sơ cấp, liên kết đào tạo nghề trung cấp cho học sinh phân luồng (Học sinh 9+) nhưng chưa được quan tâm đầu tư đúng mức nên cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo thiếu rất nhiều so với nhu cầu mở rộng quy mô đào tạo.

- Từ năm 2020 đến nay, một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và các cơ quan chủ quản vẫn chưa thực sự định hình được hướng đi đảm bảo hiệu quả, bền vững, lâu dài trong tương lai như Trường Trung cấp nghề Giao thông Vận tải, Trường Trung cấp nghề Văn hóa Thể thao và Du lịch....

#### **IV- BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

*Một là*, nhận thức tiếp tục thống nhất công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một đột phá chiến lược, là yếu tố quan trọng, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển, hội nhập sâu rộng, bền vững, ổn định trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức thời đại mới; tư duy, định hướng về công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cần đi trước một bước. Nâng cao chất lượng công tác GDNN là trách nhiệm của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị và người dân. Thực tiễn cho thấy nơi nào các cấp ủy, chính quyền và người dân thực sự quan tâm, vào cuộc thường xuyên, quyết liệt thì trong cùng hoàn cảnh còn nhiều khó khăn vẫn tạo ra sự chuyển biến rõ nét.

*Hai là*, công tác tham mưu trong lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy; việc triển khai thực hiện các chủ trương đường lối của Tỉnh ủy thông qua việc ban hành các cơ chế, chính sách của HĐND, UBND tỉnh đóng vai trò quyết định đến sự thành công trong công tác GDNN. Công tác lãnh đạo và chỉ đạo phải nhạy bén, kiên quyết, sáng tạo, bám sát thực tiễn của địa phương, có trọng tâm, trọng điểm. Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những cơ chế, chính sách không còn phù hợp. Kịp thời triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương về giáo dục, GDNN, giải quyết việc làm cho người lao động. Đồng thời, cần xây dựng các chính sách đặc thù khuyến khích, thu hút đầu tư vào giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đủ mạnh, đồng bộ; từ đó định hướng và huy động được nhiều nguồn lực xã hội tham gia.

*Ba là*, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chủ trương của Tỉnh ủy; cơ chế, chính sách của HĐND, UBND ban hành là nhân tố đảm bảo để thực hiện các mục tiêu đặt ra. Quá trình thực hiện phải bám sát các chủ trương của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy và các cơ chế, chính sách của HĐND, UBND các cấp.

Trong công tác triển khai thực hiện phải xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện. Phải chú trọng sơ kết, tổng kết, kịp thời, kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong công tác tổ chức thực hiện chưa đạt mục tiêu, những giải pháp chưa phù hợp, chưa đủ mạnh nhằm làm thay đổi cách nghĩ, cách làm theo lối mòn.

Phát triển công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cần có sự gắn kết chặt chẽ, hiệu quả giữa sự lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Nhân dân.

*Bốn là*, công tác đầu tư, phát triển mạng lưới cơ sở GDNN, nâng quy mô và cấp trình độ đào tạo phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động là nhân tố quyết định đến hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đã đặt ra. Quan tâm huy động nguồn lực đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển các cơ sở GDNN, trong đó nguồn lực từ ngân sách nhà nước có ý nghĩa quyết định; nguồn lực xã hội hóa là nhân tố quan trọng, tạo đột phá trong đầu tư phát triển.

*Năm là*, nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo của các cơ sở GDNN, quyết định đến sự thành công trong đào tạo, thu hút, phát triển nguồn nhân lực; trong đó, cần chỉ đạo đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại hóa, linh hoạt nhằm nâng cao kỹ năng, năng lực thực hành, năng lực làm việc, năng lực thích ứng với những biến đổi của công nghệ sản xuất trong thời đại Công nghiệp 4.0. Tổ chức đào tạo nghề theo mô-đun, tạo thuận lợi cho người học, đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo nghề và với trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân. Nội dung, chương trình đào tạo nghề trình độ cao được xây dựng theo hướng tiếp cận với trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Huy động các chuyên gia làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, các cơ sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ tham gia xây dựng nội dung chương trình và đánh giá kết

quả đào tạo. Tổ chức thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo nghề, kiểm định chất lượng học sinh tốt nghiệp đào tạo nghề theo quy định.

Đặc biệt quan tâm đến phát triển đội ngũ nhà giáo GDNN và cán bộ quản lý nhà nước về GDNN; đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, người lao động đủ năng lực tiếp thu, vận hành, chuyển giao công nghệ mới; sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo hiện đại, hiệu quả; có chương trình đào tạo tiên tiến, bảo đảm chất lượng đầu ra; đào tạo nghề theo địa chỉ, gắn với cung ứng lao động; đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong tình hình mới.

### **Phần thứ ba**

## **PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CÔNG TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **I- PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU**

#### **1. Dự báo tình hình**

Trong thời gian tới, dự báo tình Bắc Giang tiếp tục bị ảnh hưởng bởi tình hình thế giới, trong nước; thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Dự báo nền kinh tế tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, thậm chí có mặt còn khó khăn hơn cả những năm gần đây. Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi cũng sẽ còn có nhiều khó khăn, thách thức như: Kinh tế thế giới suy giảm; cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại tiếp tục diễn ra gay gắt; tranh chấp chủ quyền, biển đảo phức tạp; cuộc xung đột quân sự giữa Nga - Ukraine; giữa Israel - Hamas và các lệnh trừng phạt của Mỹ, Phương Tây đối với Nga có thể kéo dài, tác động đến địa chính trị, địa kinh tế, an ninh năng lượng và chuỗi cung ứng toàn cầu; khoa học - công nghệ và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh truyền thống, phi truyền thống ngày càng tác động mạnh, nhiều mặt, có thể đe dọa nghiêm trọng đến sự ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và đất nước ta.

Thị trường lao động tại nước ta, đặc biệt là tại các tỉnh thuộc các vùng kinh tế trọng điểm dự báo tiếp tục có những thách thức, thay đổi cả về nhu cầu tuyển dụng và cơ cấu nguồn nhân lực. Tác động của tình hình thế giới khiến nhiều ngành nghề sản xuất, kinh doanh gặp khó do nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm giảm sút. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục tác động tới nhiều lĩnh vực, làm thay đổi cả về cơ cấu cũng như thị trường lao động. Robot dần thay thế con người ở nhiều lĩnh vực có mức độ tự động hóa cao làm xuất hiện các ngành, nghề mới đặt ra yêu cầu các cơ sở GDNN phải đào tạo nhân lực cho các ngành, nghề mới. Dự báo cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư năm sẽ sớm diễn ra, tại đó cách mạng này sẽ giảm bớt chú trọng vào công nghệ và máy móc và tập trung phát triển nâng cao tương tác giữa người và máy. Đây là sự kết hợp tuyệt vời giữa tính sáng tạo không có giới hạn của con người

với mức độ chính xác tuyệt đối của máy móc. Tổ chức Lao động quốc tế đã dự báo cứ sau 5 năm 30% kỹ năng nghề nghiệp hiện tại của người lao động sẽ không được sử dụng nữa, phải thay thế bằng những kỹ năng mới, ngoài ra trong vòng hai thập niên tới, khoảng 56% lao động tại năm quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, có nguy cơ mất việc do tự động hóa trong các khâu, công đoạn sản xuất. Điều này đòi hỏi hệ thống GDNN phải đổi mới hoạt động đào tạo, không chỉ trang bị kỹ năng nghề nghiệp mà còn phải trang bị cho người học kỹ năng thích ứng với sự thay đổi; đồng thời phải tăng cường các hoạt động đào tạo lại, đào tạo nâng cao cho người lao động trong doanh nghiệp.

Thực tế, hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay tại Việt Nam cho thấy, nhiều nhà máy sản xuất, chế biến... đã đầu tư các dây chuyền tự động hóa cao, góp phần tăng sản lượng và giảm giá thành sản phẩm, giảm thâm dụng lao động. Tỉnh Bắc Giang sau nhiều năm tăng trưởng cao, dự báo kinh tế của tỉnh có thể phát triển ở mức thấp hơn; có nhiều biến động về đầu tư, kinh doanh.

Theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2030 tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân được dự báo đạt khoảng 15-16%/năm, trong đó công nghiệp tăng 18-19%/năm. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng đẩy mạnh phát triển về công nghiệp, đến năm 2030 dự kiến công nghiệp chiếm khoảng 60%. Cùng với định hướng phát triển kinh tế theo hướng tập trung vào lĩnh vực công nghiệp kết hợp giữa dự báo về số lượng công nhân làm việc tại các KCN và CCN và nghiên cứu khả năng cung ứng nguồn lao động tại chỗ làm việc tại các KCN và CCN của từng huyện, thành phố, số lượng lao động dự kiến làm việc tại các KCN và CCN trên địa bàn tỉnh như sau: Tổng nhu cầu lao động phục vụ các KCN và CCN trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 là 330.000 người, tăng 39,2% so với lao động hiện đang làm việc tại các KCN và CCN trên địa bàn tỉnh năm 2023 là 237.130 người, trong đó lao động phục vụ các KCN là 262.000 người và lao động phục vụ các CCN là 68.000 người; nhu cầu lao động phục vụ các KCN và CCN trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 là 662.000 người, tăng 179,3% so với lao động hiện đang làm việc tại các KCN và CCN trên địa bàn tỉnh năm 2023, trong đó lao động phục vụ các KCN là 486.000 người và lao động phục vụ các CCN là 176.000 người. Với lực lượng lao động hiện có của tỉnh chỉ đáp ứng 80% nhu cầu của các doanh nghiệp, dự kiến đến năm 2025 đáp ứng được 75% của các doanh nghiệp và đến năm 2030 đáp ứng được 60% nhu cầu của các doanh nghiệp, vì vậy việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng trở nên cấp thiết, nhất là lao động kỹ thuật, chất lượng cao.

## **2. Phương hướng phát triển giáo dục nghề nghiệp**

Xác định phát triển giáo dục nghề nghiệp là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị, của các cấp chính quyền, các ngành, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở GDNN và người dân. Do đó cần có sự chỉ đạo, phối hợp, thực hiện một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả theo mục tiêu đặt ra.

(1) Phát triển hệ thống GDNN theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, chú trọng cả quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo. Quan tâm đầu tư,



đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế để phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới.

#### (2) Về phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Xác định các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý là đầu tàu, dẫn dắt và có vai trò chính trong thực hiện các chủ trương phát triển lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp của tỉnh, trong đó phát triển trường Cao đẳng công nghệ Việt Hàn trở thành trường chất lượng cao đóng vai trò quan trọng thời gian tới. Thực hiện cơ cấu lại ngành, nghề đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường và định hướng phát triển. Tiếp tục rà soát, tổ chức, sắp xếp lại các cơ sở GDNN công lập hoạt động không hiệu quả.

Phát triển đồng bộ hệ thống, mạng lưới cơ sở GDNN, gồm các trung tâm GDNN-GDTX, trường trung cấp, trường cao đẳng. Trong đó triển khai thành lập một số trường trung cấp trên cơ sở nâng cấp các Trung tâm GDNN-GDTX hiện có khi có đủ các điều kiện bảo đảm theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Chủ trương tập trung thu hút đầu tư phát triển hệ thống các cơ sở GDNN ngoài công lập, góp phần giảm gánh nặng đầu tư cho ngân sách, đồng thời tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong phát triển GDNN. Đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở GDNN với các doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tế.

#### (3) Về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, hỗ trợ ngân sách cho hoạt động đào tạo

Tăng tỷ lệ nguồn vốn ngân sách nhà nước trong tổng chi ngân sách của tỉnh để ưu tiên đầu tư cho các cơ sở GDNN công lập của tỉnh đầu tư xây dựng vật chất, mua sắm trang thiết bị đào tạo, hỗ trợ hoạt động đào tạo. Thực hiện giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo ngành nghề và số lượng học sinh đối với các cơ sở GDNN công lập thuộc tỉnh quản lý và từng bước đặt hàng đào tạo với các cơ sở GDNN khác phù hợp với điều kiện, đặc thù, quy định của pháp luật; đẩy mạnh xã hội hóa GDNN ở những địa bàn, ngành, nghề phù hợp.

Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường công lập do tỉnh quản lý đáp ứng mục tiêu đào tạo theo quy hoạch; quan tâm đầu tư đảm bảo máy móc, trang thiết bị, phòng thí nghiệm hiện đại, có nội dung đi trước một bước trong đào tạo nguồn nhân lực bán dẫn, AI, công nghệ mới.

Tập trung nghiên cứu cơ chế, chính sách để tạo đột phá trong thu hút đầu tư, phát triển hệ thống các cơ sở GDNN ngoài công lập, trọng tâm thu hút các nhà đầu tư, cơ sở GDNN có năng lực, uy tín, chất lượng.

#### (4) Về đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

Quan tâm bổ sung, ưu tiên vị trí việc làm trong biên chế và thu hút, bố trí cán bộ có năng lực, có trình độ chuyên môn, hiểu biết về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp làm công tác tham mưu thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở các cấp, các ngành cũng như trong các cơ sở GDNN công lập thuộc tỉnh quản lý.

Từng bước trao quyền tự chủ hoàn toàn về tài chính và về tổ chức bộ máy cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý để có thể chủ động trong công tác tuyển dụng, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng hoặc thay đổi cơ cấu đội ngũ nhà giáo phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị theo từng thời điểm cụ thể; đáp ứng yêu cầu cần chủ động, linh hoạt, thường xuyên thay đổi theo thị trường lao động và đặc thù hoạt động của lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Thường xuyên quan tâm đến nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

#### (5) Về chương trình và ngành nghề đào tạo

Bám sát sự thay đổi về công nghệ để kịp thời xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo và phát triển các ngành nghề đào tạo mới đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động.

### **3. Mục tiêu đến năm 2030**

#### **3.1. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục đổi mới, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ chất lượng đào tạo và hiệu quả của GDNN; nâng cao chất lượng nguồn lao động gắn với nhu cầu của thị trường lao động, đảm bảo quy mô, cơ cấu, chất lượng đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang.

Đưa Bắc Giang trở thành trung tâm đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm có uy tín của vùng ở một số ngành, nghề cốt lõi là xu thế phát triển, có tính lâu dài, bền vững. Tập trung phát triển nguồn nhân lực phục vụ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng nghề. Trong đó, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực liên quan đến sản xuất điện tử, cơ khí, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI); công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao tạo bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh phát triển kinh tế của tỉnh trong giai đoạn tới.

#### **3.2. Mục tiêu cụ thể**

(1) Toàn tỉnh có 53 cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN, trong đó có ít nhất 01 Trường Cao đẳng chất lượng cao đủ năng lực thực hiện chức năng trung tâm vùng.

(2) Có trên 50% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở GDNN đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Tuyển sinh và đào tạo nghề cho trên 142.500 người, trong đó: Cao đẳng: 5.000 người, Trung cấp: 14.500 người, Sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng: 123.000 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng, chứng chỉ đạt 40% - 45%.

(3) Giải quyết việc làm cho 165.000 lao động (Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 33.000 lao động).

## **II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Nhiệm vụ trọng tâm**

Để đạt được các mục tiêu đến năm 2030 của tỉnh đã đề ra, cần tập trung thực hiện 03 nhiệm vụ trọng tâm sau:

(1) Kịp thời nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về GDNN, đặc biệt là các chính sách có tính đột phá, phù hợp với thực tiễn và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, với nhu cầu của người học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

(2) Quan tâm đẩy mạnh phát triển mạng lưới, quy mô GDNN đáp ứng nhu cầu học nghề và giải quyết việc làm cho người lao động.

(3) Huy động nguồn lực đầu tư cho GDNN, trong đó quan tâm đến thực hiện xã hội hóa, thu hút đầu tư nguồn lực ngoài ngân sách phát triển GDNN.

## **2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển giáo dục nghề nghiệp**

### ***2.1. Tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền để nâng cao nhận thức***

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kết luận về việc tổng kết thực tiễn quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh từ năm 2010 đến nay, bài học kinh nghiệm và đề xuất phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quán triệt đầy đủ, sâu sắc và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đúng quan điểm coi giáo dục và đào tạo là “quốc sách hàng đầu”, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đến năm 2030 như: Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 20345; Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 về Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 09/6/2021 về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, Kế hoạch số 89-KH/TU ngày 14/6/2023 về quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045...

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân về xây dựng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế, xã hội.

Thường xuyên cung cấp thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu của thị trường lao động, công tác tuyển sinh và đào tạo của các cơ sở GDNN nhằm định hướng các hoạt động giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, phục vụ nhu cầu nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường tổ chức các chương trình, sự kiện, các cuộc thi, giải thưởng, danh hiệu nhằm tôn vinh người học, nhà giáo, người dạy tại nơi làm việc, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động và các tổ chức khác có nhiều thành tích và đóng góp cho hoạt động GDNN và phát triển kỹ năng nghề.

## **2.2. Nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về GDNN**

Tiếp tục triển khai, tổ chức thực hiện kịp thời cơ chế, chính sách của Trung ương cho người học, nhà giáo, cán bộ quản lý nhà nước về GDNN và cơ sở GDNN. Đẩy mạnh việc thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động theo các chương trình, đề án, dự án;

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách đặc thù của Tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND; đồng thời tiếp tục nghiên cứu các cơ chế, chính sách hỗ trợ người học, nhà giáo, cơ sở GDNN để các chính sách trở thành đòn bẩy thực hiện mục tiêu đào tạo đặt ra trong thời gian tiếp theo.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo để từng bước triển khai thực hiện giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp theo ngành nghề và số lượng học sinh đối với các cơ sở GDNN công lập thuộc tỉnh quản lý và từng bước đặt hàng đào tạo với các cơ sở GDNN khác phù hợp với điều kiện, đặc thù, quy định của pháp luật; đẩy mạnh xã hội hóa GDNN ở những địa bàn, ngành, nghề phù hợp.

## **2.3. Phát triển mạng lưới, quy mô GDNN đáp ứng nhu cầu học nghề và giải quyết việc làm cho người lao động**

Phát triển hệ thống GDNN theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, chú trọng cả quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo. Quan tâm đầu tư, đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế để phát triển một số cơ sở GDNN, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới. Xác định các cơ sở GDNN công lập thuộc tỉnh quản lý là đầu tàu, dẫn dắt và có vai trò chính trong thực hiện các chủ trương phát triển lĩnh vực GDNN của tỉnh.

Thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDNN công lập để tham mưu sáp nhập, điều chỉnh ngành nghề đào tạo đảm bảo phù hợp yêu cầu phát triển. Thực hiện cơ cấu lại ngành, nghề đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường và định hướng phát triển.

Phát triển mô hình “trường học thông minh”, “trường học xanh”. Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng trường chất lượng cao trên địa bàn tỉnh đối với Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang vào năm 2025 theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời xem xét phát triển thêm trường chất lượng cao trong giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 để đáp ứng nhu cầu nhân lực. Đầu tư, phát triển các trung tâm đánh giá kỹ năng nghề quốc gia. Triển khai thành lập một số trường trung cấp trên cơ sở nâng cấp các Trung tâm GDNN-GDTX hiện có khi có đủ các điều kiện bảo đảm theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Tăng cường công tác liên kết đào tạo giữa các trường Đại học với các trường Cao đẳng nghề và giữa các doanh nghiệp với các cơ sở GDNN của tỉnh;

nhất là trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn, AI; phân đầu tư Bắc Giang là một trung tâm công nghiệp bán dẫn của vùng. Bám sát sự thay đổi về công nghệ để kịp thời xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo và phát triển các ngành nghề đào tạo mới đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động trong thời kỳ mới; đẩy mạnh công tác liên kết chuyên gia chương trình, giáo trình đào tạo; liên kết nghiên cứu khoa học, hội thảo và các hoạt động khác giữa các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh với các Trường, các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước. Tăng cường gắn kết chặt chẽ giữa “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trong đó cần xác định Nhà trường giữ vai trò trung tâm.

Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch; đổi mới phát triển cơ sở GDNN ngoài công lập, nghiên cứu cơ chế liên quan đến điều kiện thu hút đầu tư, yếu tố nhà đầu tư quan tâm khi đầu tư vào địa bàn; nghiên cứu cơ chế nhà nước thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, thực hiện đấu giá lựa chọn nhà đầu tư cơ sở GDNN theo quy hoạch...

#### **2.4. Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển GDNN**

Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực, ưu tiên ngân sách nhà nước cho GDNN trong tổng chi ngân sách nhà nước để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo, đặt hàng/giao nhiệm vụ đào tạo nghề, đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh trong giai đoạn 2024-2030 và những năm tiếp theo tương xứng với vị trí, vai trò đào tạo nhân lực nhất là nhân lực chất lượng cao, các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn.

Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đào tạo cho các trường công lập do tỉnh quản lý đáp ứng mục tiêu đào tạo theo quy hoạch; đầu tư máy móc, trang thiết bị, phòng thí nghiệm hiện đại, có nội dung đi trước một bước trong đào tạo nguồn nhân lực bán dẫn, AI, công nghệ mới; tăng quy mô đào tạo đối với những ngành nghề trọng điểm cấp độ Quốc gia, ASEAN và Quốc tế đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đầu tư cơ sở vật chất, bố trí giáo viên, nâng cấp các Trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện<sup>33</sup> thành các trường trung cấp khi có đủ điều kiện để nâng cao hiệu quả hoạt động vừa đào tạo văn hóa GDTX cấp THPT vừa chủ động trong công tác tuyển sinh, đào tạo nghề cho đối tượng 9+.

Chủ trương tập trung thu hút đầu tư phát triển hệ thống các cơ sở GDNN ngoài công lập, góp phần giảm gánh nặng đầu tư cho ngân sách, đồng thời tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong phát triển GDNN. Đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở GDNN với các doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tế.

Cùng với việc đầu tư cho sản xuất, kinh doanh, khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất tham gia đầu tư vào GDNN, trực tiếp tham gia các hoạt động đào tạo nâng cao chất lượng việc làm, nâng cao kỹ năng nghề cho người lao

<sup>33</sup> Kết luận số 293-KL/TU ngày 09/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đầu tư cơ sở vật chất, bố trí giáo viên các trường mầm non, phổ thông và trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên đến năm 2030.

động để đáp ứng chính nhu cầu của doanh nghiệp...qua đó tạo động lực cho người lao động nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

### ***2.5. Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực đáp ứng cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương***

Tổ chức thực hiện thu thập, cập nhật, lưu trữ, tổng hợp dữ liệu về thông tin thị trường lao động. Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu về người lao động có sự kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu dân cư, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội. Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ việc thu thập, lưu trữ số liệu, phục vụ yêu cầu quản lý, phân tích, dự báo về cung - cầu lao động.

Kịp thời phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nhất là các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh trọng điểm đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao để định hướng xây dựng các chính sách hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu theo từng thời kỳ; tổ chức các chương trình hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên...đa dạng về đối tượng, nội dung và hình thức, linh hoạt địa điểm.

Đầu tư, nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm Bắc Giang để thực hiện các giao dịch việc làm, kết nối thông tin thị trường lao động với các địa phương, khu vực và cả nước. Từng bước xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá phát triển thị trường lao động, việc làm và thu nhập theo hướng so sánh với các tỉnh lân cận và trong cả nước; đánh giá về chênh lệch trong mức độ phát triển thị trường lao động, khả năng tạo việc làm, thu nhập giữa địa phương với các tỉnh khác.

### ***2.6. Tăng cường giáo dục hướng nghiệp, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác phân luồng học sinh; chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng, gắn kết chặt chẽ hoạt động đào tạo với thị trường lao động***

Tiếp tục rà soát, quan tâm đầu tư cho các cơ sở GDNN bảo đảm điều kiện theo quy định để đào tạo các trình độ GDNN cho đối tượng phân luồng vào học các trình độ GDNN theo lộ trình. Chỉ đạo cơ sở GDNN phối hợp chặt chẽ với các trường THCS, THPT tăng cường tuyển sinh, đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương thức đào tạo, bảo đảm "học đi đôi với hành"; đào tạo kỹ năng nghề gắn với giáo dục đạo đức, lối sống, ý thức kỷ luật, kỹ năng mềm, tác phong công nghiệp, nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng số cho người học. Xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra trên cơ sở tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, có sự tham gia của hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu vừa phục vụ sản xuất, vừa đủ năng lực hội nhập, cạnh tranh; từng bước tiếp cận với tiêu chuẩn kiểm định quốc tế trong GDNN; phát triển chương trình đào tạo các ngành, nghề mới, ngành, nghề công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ mới, kỹ năng tương lai và các chương trình đào tạo cho người lao động trong các doanh nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học; khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài.

Tổ chức thực hiện các quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục, GDNN giai đoạn 2024 - 2025 và những năm tiếp theo. Thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN hàng năm theo quy định; bảo đảm chất lượng chuẩn đầu ra của từng ngành, nghề đào tạo theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Huy động người sử dụng lao động, đặc biệt là các tập đoàn, tổng công ty tham gia xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề và đánh giá, công nhận trình độ kỹ năng nghề cho người lao động tại nơi làm việc.

Xây dựng các mô hình gắn kết đào tạo nghề phù hợp với thị trường lao động theo từng loại hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tăng cường gắn kết giữa cơ sở GDNN và các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp dịch vụ việc làm và người sử dụng lao động thông qua hoạt động của sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm.

### ***2.7. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN***

Quan tâm bổ sung, ưu tiên vị trí việc làm trong biên chế và thu hút, bố trí cán bộ có năng lực, có trình độ chuyên môn, hiểu biết về lĩnh vực GDNN làm công tác tham mưu thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về GDNN ở các cấp, các ngành cũng như trong các cơ sở GDNN công lập thuộc tỉnh quản lý.

Từng bước trao quyền tự chủ về tài chính và về tổ chức bộ máy cho các cơ sở GDNN công lập thuộc tỉnh quản lý để có thể chủ động trong công tác tuyển dụng, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng hoặc thay đổi cơ cấu đội ngũ nhà giáo phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị theo từng thời điểm cụ thể; đáp ứng yêu cầu cần chủ động, linh hoạt, thường xuyên thay đổi theo thị trường lao động và đặc thù hoạt động của lĩnh vực GDNN góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý nhà nước về GDNN có năng lực, trình độ đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ. Tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm tại các cơ sở GDNN trong nước và nước ngoài. Xây dựng chính sách đào tạo, thu hút nhà giáo GDNN. Trước mắt cần rà soát, sắp xếp phù hợp đội ngũ nhà giáo hiện có; đồng thời đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao tay nghề. Chú trọng phát triển nhà giáo tham gia giảng dạy ngành, nghề trọng điểm tiếp cận chuẩn của các nước tiên tiến. Kịp thời tuyển dụng nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN bảo đảm theo vị trí việc làm.

Tiếp tục tập trung đầu tư, tạo điều kiện cho “3 trụ cột” Chuyển đổi số - Đội ngũ nhà giáo - Ngoại ngữ để phát triển và hội nhập quốc tế: Chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy, tăng cường xây dựng, khai thác sử dụng kho học liệu số; số hóa dữ liệu về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhà giáo, người học, chương trình, giáo trình và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo. Xây dựng đội ngũ nhà giáo tham gia cộng đồng nhà giáo sáng tạo toàn quốc, giỏi về chuyên môn, tinh thông về nghiệp vụ; nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục, cơ sở GDNN.

## **2.8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về GDNN**

Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực về giáo dục, GDNN, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đào tạo, quản trị nhà trường. Tổ chức đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu của cơ sở trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về GDNN ở các cấp, đặc biệt là tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, cấp huyện đủ về số lượng, cơ cấu hợp lý, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

Định kỳ, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và phẩm chất cho cán bộ quản lý GDNN các cấp. Đồng thời, tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới như: bồi dưỡng kiến thức pháp luật; tập huấn về pháp luật lao động; kỹ năng tổ chức, xây dựng và phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao;... cho người sử dụng lao động, nhà quản lý và người lao động của doanh nghiệp để đảm bảo mối quan hệ phát triển hài hòa ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp giúp cho người lao động yên tâm làm việc tại doanh nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thường xuyên rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tăng cường chuyển đổi số, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở GDNN, doanh nghiệp, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, nhằm giữ ổn định chỉ số cạnh tranh về đào tạo lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật lao động tại các doanh nghiệp, đảm bảo việc thực hiện các chế độ, quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật lao động.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở GDNN, đảm bảo việc thực hiện đào tạo đúng chính sách, quy định của pháp luật.

### **III- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Đề nghị Chính phủ**

(1) Nghiên cứu, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục nghề nghiệp, trong đó đưa Trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện là cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(2) Ban hành Quy định mọi ngành, nghề khi người lao động sau được đào tạo tham gia vào thị trường lao động cần phải có giấy phép hành nghề do các cơ quan kiểm định chất lượng được Nhà nước ủy quyền cấp. Ngoài ra, quy định rõ ràng cho tất cả cơ quan, đơn vị và cơ sở tuyển dụng lao động phải sử dụng đúng các quy định được ghi trong giấy phép hành nghề.



## **2. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

(1) Sớm ban hành đầy đủ, đồng bộ các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật GDNN như: Quy định về tự chủ trong lĩnh vực GDNN, danh mục nghề bắt buộc phải sử dụng lao động qua đào tạo; chính sách thu hút nhà giáo GDNN; nghiên cứu ban hành cơ chế khuyến khích và ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào quá trình GDNN; khuyến khích tạo sự gắn kết giữa doanh nghiệp và cơ sở GDNN...

(2) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan nghiên cứu xây dựng, ban hành thống nhất các chính sách “hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng” hiện có thành 01 chính sách bao gồm đầy đủ các đối tượng cần được hỗ trợ; quy định mức hỗ trợ đối với từng loại đối tượng và theo từng nghề cụ thể để đảm bảo công bằng. Đơn giản hóa thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ học nghề; hỗ trợ trực tiếp cho người học nghề sau khi đã tốt nghiệp được cấp bằng, chứng chỉ; có hóa đơn (phiếu thu học phí của sở sở đào tạo); có giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được hỗ trợ.

(3) Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” theo thẩm quyền để các địa phương có căn cứ tham mưu, triển khai thực hiện

(4) Nghiên cứu, ban hành quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin về nhu cầu sử dụng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật trong ngắn hạn và dài hạn.

(5) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung và hướng dẫn triển khai quy định về đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, cao đẳng lên trình độ đại học với đối tượng học sinh có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông, giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT khi có bằng tốt nghiệp cao đẳng đủ điều kiện liên thông đại học theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 34 Luật Giáo dục năm 2019.

(6) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi các quy định hiện hành về việc cho phép các cơ sở GDNN đủ điều kiện được tham gia dạy văn hóa GDTX bậc THPT song song với tổ chức đào tạo nghề.

## **3. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo**

(1) Bổ sung quy định về đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, cao đẳng lên trình độ đại học với đối tượng học sinh có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông, giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT, có bằng tốt nghiệp cao đẳng đủ điều kiện liên thông đại học theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 34 Luật Giáo dục năm 2019.

(2) Sớm sửa đổi các quy định hiện hành về cho phép các cơ sở GDNN đủ điều kiện được tham gia dạy văn hóa GDTX bậc THPT song song với tổ chức đào tạo nghề.

#### **4. Đề nghị Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh và UBND tỉnh**

(1) Đề nghị Tỉnh uỷ tiếp tục quan tâm lãnh đạo cấp ủy các cấp thực hiện nghiêm túc các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và một số giải pháp đào tạo, sử dụng lao động đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới.

(2) Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh uỷ:

+ Ban hành Kết luận về Tổng kết thực tiễn quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh từ năm 2010 đến nay; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và một số giải pháp trong thời gian tới.

+ Giao cho Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành có liên quan nghiên cứu xây dựng, ban hành chính sách để thúc đẩy mạnh mẽ công tác giáo dục nghề nghiệp phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

+ Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan tiếp tục rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

(3) Đề nghị HĐND tỉnh, UBND tỉnh tiếp tục quan tâm ban hành các cơ chế, chính sách mới trong công tác GDNN, bố trí kinh phí đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo; đẩy nhanh tiến độ tự chủ đối với các cơ sở GDNN công lập thuộc tỉnh quản lý theo thẩm quyền. Quan tâm bổ sung biên chế đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN từ tỉnh đến cơ sở và các cơ sở GDNN.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thực tiễn quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh từ năm 2010 đến nay, bài học kinh nghiệm và đề xuất phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh./.

#### Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ,
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh,
- Các đồng chí ủy viên BTV Tỉnh uỷ,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Các đồng chí thành viên BCSD UBND tỉnh,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Lưu: VT, BCSD, KGVX.

**T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG  
PHÓ BÍ THƯ**

**Mai Sơn**

**MỤC LỤC**  
**PHẦN MỞ ĐẦU**

<b>I. CƠ SỞ VÀ SỰ CẦN THIẾT NGHIÊN CỨU, TỔNG KẾT.....</b>	<b>1</b>
<b>1. Cơ sở nghiên cứu, đánh giá, tổng kết .....</b>	<b>1</b>
<i>1.1. Một số khái niệm.....</i>	<i>1</i>
<i>1.2. Tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế - xã hội .</i>	<i>2</i>
<b>2. Sự cần thiết nghiên cứu, tổng kết thực tiễn.....</b>	<b>2</b>
<b>II. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU, ĐÁNH GIÁ, TỔNG KẾT THỰC TIỄN .....</b>	<b>4</b>
<b>1. Mục tiêu nghiên cứu, đánh giá, tổng kết thực tiễn .....</b>	<b>4</b>
<b>2. Nhiệm vụ .....</b>	<b>4</b>
<b>III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, TỔNG KẾT THỰC TIỄN.....</b>	<b>5</b>
<b>1. Đối tượng.....</b>	<b>5</b>
<b>2. Phạm vi, thời gian, phương pháp nghiên cứu .....</b>	<b>5</b>

**Phần thứ nhất**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG NĂM 2010**

<b>I. CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI .....</b>	<b>6</b>
<b>1. Điều kiện phát triển .....</b>	<b>6</b>
<b>2. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2010 .....</b>	<b>6</b>
<b>II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GDNN VÀ SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC TỈNH BẮC GIANG NĂM 2010 .....</b>	<b>7</b>
<b>1. Thực trạng công tác GDNN năm 2010.....</b>	<b>7</b>
<b>2. Thực trạng công tác sử dụng nguồn nhân lực năm 2010 .....</b>	<b>9</b>

**Phần thứ hai**

**KẾT QUẢ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC CỦA TỈNH TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY**

<b>I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO .....</b>	<b>10</b>
<b>1. Chủ trương, chính sách giai đoạn 2010 – 2015 .....</b>	<b>10</b>
<i>1.1. Các chủ trương của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy .....</i>	<i>10</i>
<i>1.2. Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh và cấp ủy, chính quyền cơ sở .....</i>	<i>11</i>

<b>2. Chủ trương, chính sách giai đoạn 2016 – 2020 .....</b>	<b>13</b>
2.1. Các chủ trương của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy .....	13
2.2. Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh và cấp ủy, chính quyền cơ sở .....	14
<b>3. Chủ trương, chính sách giai đoạn 2021 – 2023 .....</b>	<b>15</b>
3.1. Các chủ trương của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy .....	15
3.2. Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh và cấp ủy, chính quyền cơ sở .....	17
<b>II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC CỦA TỈNH TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY.....</b>	<b>18</b>
<b>1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu.....</b>	<b>18</b>
<b>2. Kết quả công tác GDNN .....</b>	<b>20</b>
2.1. Công tác Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở GDNN.....	20
2.2. Kết quả đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho đào tạo nghề và giao dự toán hỗ trợ các cơ sở GDNN do tỉnh quản lý.....	23
2.3. Kết quả phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo GDNN .....	25
2.4. Công tác liên kết đào tạo và hội nhập quốc tế trong đào tạo nghề...	27
2.5. Kết quả công tác tuyển sinh và đào tạo nghề, phân luồng học nghề và thực hiện chính sách đào tạo nghề .....	30
2.6. Kết quả sử dụng lao động sau đào tạo .....	33
<b>3. Phát triển kinh tế - xã hội.....</b>	<b>35</b>
<b>III. ĐÁNH GIÁ CHUNG .....</b>	<b>37</b>
<b>1. Ưu điểm và nguyên nhân.....</b>	<b>37</b>
1.1. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo .....	37
1.2. Trong công tác tổ chức triển khai thực hiện.....	38
1.3. Nguyên nhân ưu điểm .....	39
<b>2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân .....</b>	<b>39</b>
2.1. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo .....	39
2.2. Trong công tác tổ chức triển khai thực hiện.....	40
2.3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế.....	42
2.3.1. Nguyên nhân khách quan.....	42
2.3.2. Nguyên nhân chủ quan.....	44
<b>IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM .....</b>	<b>45</b>

## Phần thứ ba

### PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CÔNG TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRONG THỜI GIAN TỚI

<b>I. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU.....</b>	<b>46</b>
<b>1. Dự báo tình hình .....</b>	<b>46</b>
<b>2. Phương hướng phát triển giáo dục nghề nghiệp.....</b>	<b>48</b>
<b>3. Mục tiêu đến năm 2030.....</b>	<b>49</b>
3.1. <i>Mục tiêu tổng quát .....</i>	<i>49</i>
3.2. <i>Mục tiêu cụ thể.....</i>	<i>49</i>
<b>II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU .....</b>	<b>50</b>
<b>1. Nhiệm vụ trọng tâm .....</b>	<b>50</b>
<b>2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển giáo dục nghề nghiệp.....</b>	<b>50</b>
2.1. <i>Tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền để nâng cao nhận thức</i>	<i>50</i>
2.2. <i>Nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về GDNN.....</i>	<i>51</i>
2.3. <i>Phát triển mạng lưới, quy mô GDNN đáp ứng nhu cầu học nghề và giải quyết việc làm cho người lao động .....</i>	<i>51</i>
2.4. <i>Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển GDNN.....</i>	<i>52</i>
2.5. <i>Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực đáp ứng cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương .....</i>	<i>53</i>
2.6. <i>Tăng cường giáo dục hướng nghiệp, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác phân luồng học sinh; chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng, gắn kết chặt chẽ hoạt động đào tạo với thị trường lao động .....</i>	<i>53</i>
2.7. <i>Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN....</i>	<i>54</i>
2.8. <i>Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về GDNN</i>	<i>55</i>
<b>III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>56</b>
<b>1. Đề nghị Chính phủ .....</b>	<b>56</b>
<b>2. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội .....</b>	<b>57</b>
<b>3. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo .....</b>	<b>57</b>
<b>4. Đề nghị Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh và UBND tỉnh.....</b>	<b>58</b>
<b>DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC</b>	
<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT</b>	

## **DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC**

1. Phụ lục số 01: Các văn bản triển khai thực hiện trong giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2010-2023
2. Phụ lục số 02: Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
3. Phụ lục số 03: Quy mô đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2010 - 2023
4. Phụ lục số 04: Kết quả tuyển sinh, đào tạo giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm sau đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010 - 2023
5. Phụ lục số 05: Kết quả tuyển sinh và đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010 - 2015 (Phân theo lĩnh vực, ngành nghề và trình độ đào tạo)
6. Phụ lục số 06: Kết quả tuyển sinh và đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016 - 2020 (Phân theo lĩnh vực, ngành nghề và trình độ đào tạo)
7. Phụ lục số 07: Kết quả tuyển sinh và đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2023 (Phân theo lĩnh vực, ngành nghề và trình độ đào tạo)
8. Phụ lục số 08: Kết quả đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực tỉnh Bắc Giang từ năm 2010 đến nay
9. Phụ lục số 09: Thực trạng lao động trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010 - 2023 (Phân theo trình độ đào tạo)
10. Phụ lục số 10: Tổng hợp tình hình bố trí, huy động vốn đầu tư phát triển lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2010-2023
11. Phụ lục số 11: Thực trạng và dự báo nhu cầu lao động làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025 và đến năm 2030

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu chữ viết tắt</b>	<b>Chữ viết đầy đủ</b>
1	HĐND	Hội đồng nhân dân
2	UBND	Ủy ban nhân dân
3	UB MTTQ	Ủy ban mặt trận tổ quốc
4	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
5	GDDT	Giáo dục đào tạo
6	GDPT	Giáo dục phổ thông
7	GDNN-GDTEX	Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên
8	THPT	Trung học phổ thông
9	THCS	Trung học cơ sở
10	SGK	Sách giáo khoa
11	MTQG	Mục tiêu quốc gia
12	KCN	Khu công nghiệp
13	CCN	Cụm công nghiệp
14	CNH- HĐH	Công nghiệp hóa - hiện đại hóa